



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BẢN CÁO BẠCH

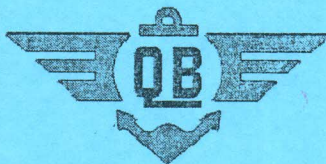
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 25 ngày 10/09/2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định niêm yết số ...434.../QĐ - SGDHCM do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 11 năm 2014)



TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

Địa chỉ: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (84-3) 1626 3333 Fax: (84-3) 1353 3679
Website: www.quangbinhjsc.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Vũ Hồng Nhung Chức vụ: Nhân viên Hành chính
Điện thoại: (84-3) 1626 3333 Fax: (84-3) 1353 3679
Địa chỉ: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 25 ngày 10/09/2014)

Địa chỉ: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (84-3) 1626 3333 Fax: (84-3) 1353 3679
Website : www.quangbinhjsc.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ	320.000.000.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký niêm yết	32.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký niêm yết	320.000.000.000 đồng

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4). 3726 2600 Fax: (84-4). 3726 2601
Website : www.mbs.com.vn



Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012, 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3824 1990 Fax: (84-4) 3825 3973
Website : www.aasc.com.vn



Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt

Địa chỉ: Số 02 Huỳnh Khương Ninh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3910 5401 Fax: (08) 3910 5402
Website : www.vietlandaudit.com.vn



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về Cơ chế chính sách và pháp luật.....	4
3. Rủi ro đặc thù.....	4
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	6
5. Rủi ro khác.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH...7	7
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	17
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/06/2014.....	20
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	21
6. Hoạt động kinh doanh.....	22
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	42
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	44
9. Chính sách đối với người lao động.....	47
10. Chính sách cổ tức.....	48
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	49
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	56
13. Tài sản.....	66
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức.....	68
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	70
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	70
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	70
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	71
1. Loại cổ phiếu.....	71
2. Mệnh giá.....	71
3. Tổng số cổ phần niêm yết.....	71
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết.....	71
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	72
6. Phương pháp tính giá.....	72
7. Các loại thuế liên quan.....	74
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	76
VII. PHỤ LỤC.....	77

BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần	20
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 25/06/2014	20
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông đến ngày 25/06/2014	21
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty	33
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty	33
Bảng 6: Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu/hàng hóa đầu vào chính của Công ty	35
Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần	36
Bảng 8: Danh sách máy móc thiết bị tiêu biểu hiện có của Công ty	38
Bảng 9: Danh sách một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc ký kết	41
Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	42
Bảng 11: Tình hình lao động trong Công ty tính đến ngày 30/06/2014	47
Bảng 12: Mức lương bình quân	48
Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định	49
Bảng 14: Mức lương bình quân	49
Bảng 15: Tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước	49
Bảng 16: Tình hình dư nợ vay	50
Bảng 17: Khoản phải thu	53
Bảng 18: Khoản phải trả	53
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	55
Bảng 20: Danh sách HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng	56
Bảng 21: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2012	66
Bảng 22: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2013	67
Bảng 23: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 30/06/2014	67
Bảng 24: Tình hình đất đai thuộc quyền sở hữu, sử dụng tại ngày 30/06/2014	67
Bảng 25: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2015	68
Bảng 26: Căn cứ để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2015	69

BIỂU

Biểu 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm từ 2000 - 2013	1
Biểu 2: Lạm phát của Việt Nam qua các năm	2
Biểu 3: Cơ cấu doanh thu thuần, Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty	33
Biểu 4: Cơ cấu chi phí của Công ty	36

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	16
---	----

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

1. Rủi ro về kinh tế

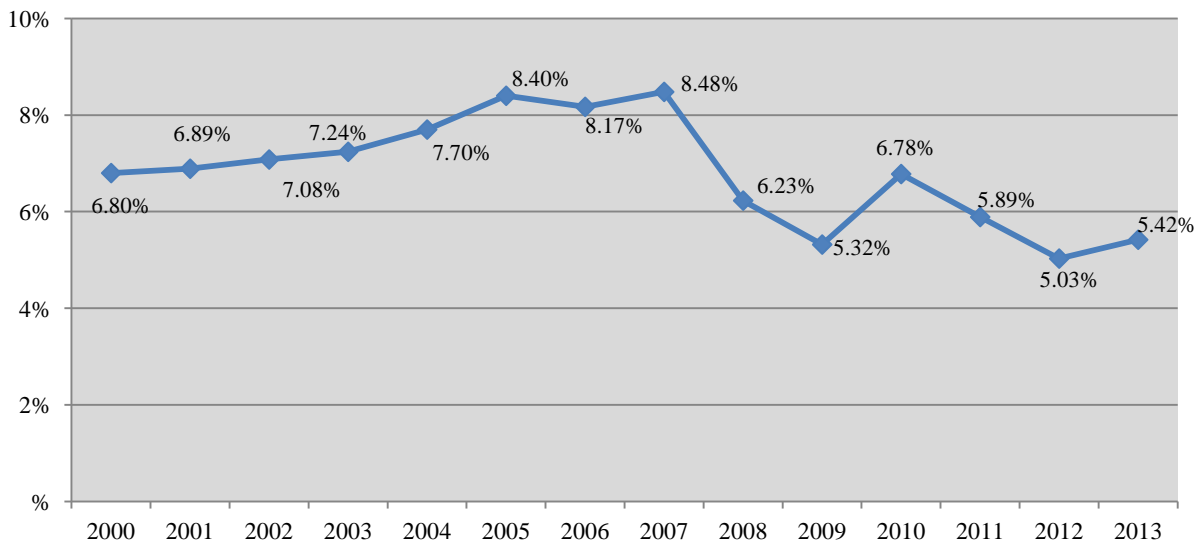
Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng sản xuất và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Từ năm 2000 đến 2007, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá đều đặn. Sang năm 2008, nền kinh tế toàn cầu bị suy thoái nặng nề, nền kinh tế Việt Nam cũng phải chịu những ảnh hưởng đáng kể. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chỉ đạt 6,23%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra là 8,5% - 9%.

Biểu 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm từ 2000 - 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,23% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,00%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công. Tuy nhiên, tình hình kinh tế giai đoạn này vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, bao gồm những hạn chế về cân đối vĩ mô chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao (mức tăng trung bình khoảng 10%); nhập siêu lớn cùng (thâm hụt thương mại 12 tỷ USD năm 2010) với sự suy giảm của dòng vốn đầu tư nước ngoài (giảm 17,8% năm 2010 và 24% năm 2011) kéo theo những ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, nguồn dự trữ ngoại hối...

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu đặc biệt với những cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, thì nền kinh tế Việt Nam cũng đã có những diễn biến phức tạp. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước vẫn đạt con số 5,03% trong năm 2012.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn của những năm trước, lạm phát đang trên đà suy giảm (với mức tăng CPI năm 2013 là 6,04% - thấp nhất trong 10 năm qua), cán cân thương mại thặng dư 200 triệu USD và mức tăng trưởng GDP đạt 5,42%, tạo tiền đề tăng trưởng bền vững trong năm 2014. Theo đó, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 với mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2014 là 5,8%, kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%. Những mục tiêu trên cho thấy kỳ vọng của Chính phủ vào sự hồi phục của nền kinh tế trong năm 2014.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình nói riêng.

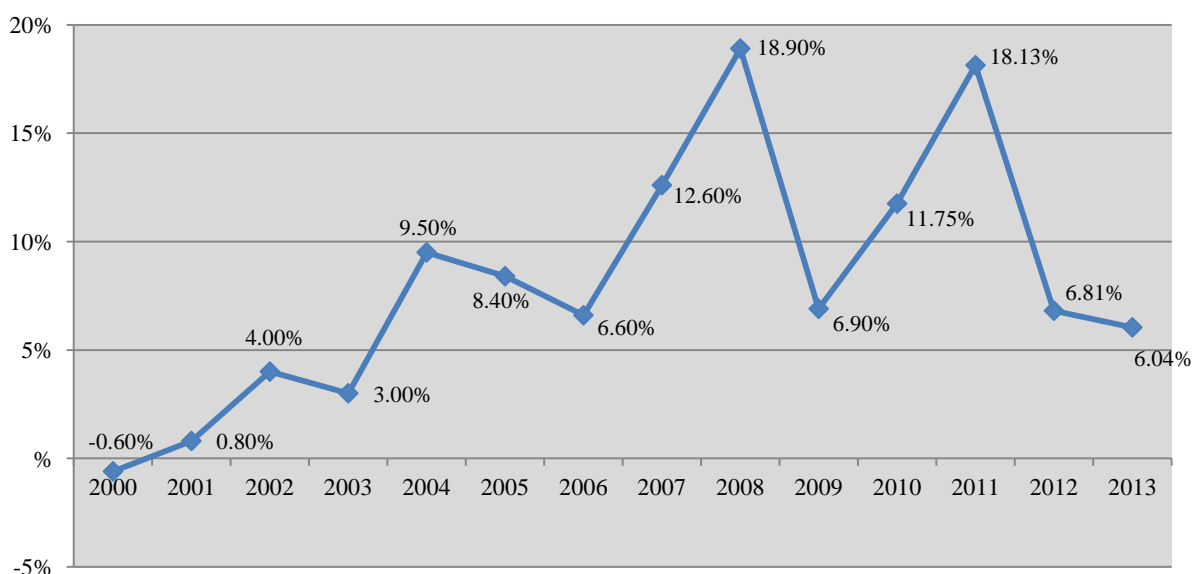
Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, GDP quý 1 tăng trưởng 5,09%, và quý 2 tăng 5,25%. Đây là những tín hiệu khả quan, cho thấy kinh tế Việt Nam đang dần lấy lại đà tăng trưởng.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình đã đưa ra chiến lược kinh doanh riêng biệt nhằm tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời nâng cao năng lực quản trị, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty, cũng như hạn chế bớt những tác động của rủi ro kinh tế.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần kiềm hãm được đà tăng của lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 - 2013 cụ thể như sau:

Biểu 2: Lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nhìn chung, lạm phát tăng ở mức thấp trong giai đoạn 1996-2003. Thời kỳ từ 2004 đến 2011 là thời kỳ lạm phát cao trở lại, gần như lặp đi lặp lại, cứ 2 năm tăng cao mới có 1 năm tăng thấp hơn. Năm 2004 tăng 9,5%, năm 2005 tăng 8,4%, thì năm 2006 tăng 6,6%. Năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, thì năm 2009 tăng 6,52%. Năm 2010 tăng 11,75%, năm 2011 tăng 18,13%.

Đến năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm. Lạm phát năm 2013 tăng ở mức 6,04%, thấp nhất trong 10 năm gần đây, cho thấy các chính sách điều hành của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước đã đạt kết quả tốt trong việc kiềm hãm lạm phát.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lạm phát 6 tháng đầu năm 2014 chỉ ở mức thấp 1,38%. Theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, giai đoạn quý 3, 4/2014 nếu không có sự biến động về giá các mặt hàng cơ bản thì nhiều khả năng lạm phát cả năm 2014 sẽ vào khoảng 5%. Tốc độ lạm phát được kiểm soát sẽ giúp các doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, gia tăng doanh thu lợi nhuận.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm chỉnh trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức trần 14%.

Kể từ ngày 17/03/2014, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,2%/năm xuống 1%/năm; lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi VND từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7%/năm xuống còn 6%/năm; NHNN cũng giảm lãi suất tái cấp vốn từ 7%/năm xuống 6,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 5%/năm xuống 4,5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 8%/năm xuống 7,5%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 9%/năm xuống còn 8%/năm. Theo đó, lãi suất cho vay của một số ngân hàng thương mại đã có xu hướng giảm nhẹ còn 9-12%/năm vào thời điểm kết thúc Quý 2/2014. Thị trường tiền tệ nói chung và lãi suất thị trường đã có dấu hiệu dần trở lại ổn định.

Tính đến thời điểm 30/06/2014, tổng Nợ Phải trả của Công ty là hơn 437 tỷ đồng, trong đó tổng các khoản Vay (bao gồm Vay và nợ ngắn hạn + Vay và nợ dài hạn) là hơn 52 tỷ chiếm 11,93% tổng Nợ phải trả. Các khoản vay tại thời điểm này của Công ty chủ yếu là Vay và nợ ngắn hạn có trị giá hơn 51 tỷ chiếm 98,87% Tổng các khoản vay. Nguồn vốn

vay này chủ yếu dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này có kỳ hạn vay ngắn nên rủi ro từ biến động lãi suất đối với Công ty là không lớn. Bên cạnh đó, tốc độ luân chuyển vốn tốt, chính sách bán hàng linh hoạt, tình hình tài chính của Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá không có nhiều biến động lớn trong năm 2012. Ngày 19/06/2014, NHNN chính thức điều chỉnh tỷ giá từ mức 21.036 VND/USD lên 21.246 VND/USD (mức điều chỉnh 1%). Thêm nữa, khả năng để can thiệp của Ngân hàng nhà nước đã được cải thiện rất lớn, khi dự trữ ngoại tệ của Việt Nam đã đạt mức kỷ lục là 32 tỷ USD, tương đương với 12 tuần nhập khẩu.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, Công ty chịu rủi ro lớn về biến động tỷ giá. Tuy nhiên, nhờ chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là 25 tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng, Công ty xây dựng cơ chế thống nhất về việc ổn định giá cả với khách hàng, nhằm giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, giá cả hàng hóa đến tình hình lợi nhuận, doanh thu của tất cả các bên, đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định đồng thời hạn chế được rủi ro cạnh tranh.

2. Rủi ro về Cơ chế chính sách và pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, hoạt động của Công ty cũng chịu tác động lớn từ các quy định đặc thù liên quan đến ngành sản xuất và kinh doanh phân bón, xuất nhập khẩu như luật thương mại, luật cạnh tranh và các quy định khác liên quan đến hoạt động thương mại, quản lý sản xuất phân bón, hóa chất.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước...từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón

Hiện nay tình trạng dư thừa nguồn cung của thị trường thế giới do các nước mở rộng sản nhà máy sản xuất đang tạo áp lực giảm giá đối với các sản phẩm phân bón nói chung. Theo Ngân hàng thế giới (WB), việc giá khí thiên nhiên tại Mỹ ở mức thấp đã gây tác động đến ngành công nghiệp phân bón trên toàn cầu. Nhiều công ty sản xuất phân bón trên thế giới đang chuyển nhà máy về Mỹ nhằm tận dụng lợi thế về giá khí thiên nhiên – nguồn nguyên liệu chính của một số loại phân bón.

Giá phân bón trong nước thời gian qua chưa có nhiều biến động và có xu hướng giảm theo giá thế giới, lượng hàng tiêu thụ thấp. Trung Quốc là nước chiếm tỷ trọng lớn nhất trong

kim ngạch nhập khẩu phân bón của Việt Nam, (chiếm 46,1% tổng kim ngạch nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2014). Thêm vào đó, thời gian tới Trung Quốc sẽ hoàn thành thêm khoảng 20 nhà máy sản xuất phân đạm nữa. Như vậy, sức ép cạnh tranh từ phân đạm nhập khẩu sẽ tiếp tục gia tăng và gây khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, Việt Nam với lợi thế là nước nông nghiệp với diện tích gieo trồng lớn, tiềm năng thị trường các nước lân cận (Lào, Campuchia, Myanmar...), triển vọng dài hạn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón vẫn khả quan, đặc biệt đối với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm chất lượng cao cùng mạng lưới khách hàng ổn định như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Dưới góc độ cạnh tranh, hiện nay, thị trường phân bón trong nước được đánh giá là có mức độ cạnh tranh cao với trên 500 doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ, hàng ngàn cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ. Bên cạnh đó việc hàng nhái, hàng giả, kém chất lượng đang khiến không ít doanh nghiệp gặp phải khó khăn. Tuy nhiên, với mạng lưới khách hàng ổn định kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực này, ban lãnh đạo Công ty đã từng bước xây dựng mạng lưới khách hàng ổn định, giao hàng đúng hạn, đảm bảo giá cả như cam kết, với nhiều chính sách bán hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty. Mặt khác dưới góc độ là nhà sản xuất, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình luôn đưa ra các biện pháp nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, PR thương hiệu sản phẩm NPK Đình Vũ, chiếm lĩnh, giữ vững và liên tục gia tăng thị phần trên thị trường.

Dưới góc độ rủi ro nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất phân bón của Công ty, hiện nay Công ty mới chủ yếu sản xuất phân NPK trộn. Nguyên liệu chính đối với hoạt động này là các loại phân nguyên liệu chứa Đạm, Lân và Kali như phân DAP, Ure, Map, Sa,... Một điều thuận lợi cho hoạt động này tại Công ty, đó là các loại nguyên liệu đầu vào này hầu hết chính là các loại mặt hàng phân đạm mà Công ty đang trực tiếp mua bán thương mại hằng ngày, do đó Công ty có thể đảm bảo được hầu hết nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước, ký kết các hợp đồng giữ giá nhằm ổn định đầu vào, giảm tác động từ giá nguyên liệu tới hoạt động sản xuất của Công ty.

Rủi ro lĩnh vực thương mại

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là các tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng thương mại, Công ty đã xây dựng cơ chế thống nhất về việc ổn định giá cả với khách hàng, nhằm giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, giá cả hàng hóa đến tình hình lợi nhuận, doanh thu của tất cả các bên, đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định đồng thời giảm được rủi ro cạnh tranh về giá cả trên thị trường. Mặt khác, hơn một năm trở lại đây, nhờ chính sách bán hàng linh động, chuyển hàng trực tiếp cho khách hàng từ kho của nhà cung cấp, Công ty đã giảm thiểu được các chi phí lưu kho và các chi phí quản lý có liên quan, hạn chế rủi ro giảm giá hàng tồn kho.

Rủi ro lĩnh vực kinh doanh hóa chất

Hoạt động động chính của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh hóa chất là nhập khẩu và phân phối hóa chất cho thị trường Việt Nam. Theo đó, Công ty chịu những rủi ro chung liên quan đến biến động giá cả đầu vào, biến động tỷ giá ... Tương tự như lĩnh vực thương mại nêu trên, việc xây dựng cơ chế hợp tác, ổn định giá cả với khách hàng cùng với chính sách bán hàng linh động đã mang lại hiệu quả cho Công ty trong việc kiểm soát chi phí, giảm thiểu cạnh tranh giá cả trên thị trường.

Rủi ro lĩnh vực dịch vụ

Lĩnh vực dịch vụ như kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế chịu rủi ro chủ yếu từ những thay đổi trong cơ chế chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Trong năm 2013, Nhà nước đã ban hành Thông tư 128/2013/TT-BTC quy định về việc quản lý trong lĩnh vực hải quan. Theo đó, Nhà nước chủ trương thắt chặt các yêu cầu đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này nhằm hạn chế việc thành lập tràn lan các kho ngoại quan; qua đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tiềm lực vững mạnh và định hướng phát triển rõ ràng. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã không đáp ứng đủ điều kiện, tuy nhiên cũng nhờ đó, rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể. Với tiềm lực tài chính bền vững và mối quan hệ chặt chẽ với địa phương, Công ty CP XNK Quảng Bình luôn đảm bảo bám sát các tiêu chuẩn, yêu cầu do các Bộ - Ban – Ngành đề ra; mặt khác duy trì hệ thống khách hàng ổn định, giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trên thị trường.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, việc biến động giá cổ phiếu không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty, tình hình thị trường chứng khoán nói chung... Để giảm thiểu một cách tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, ngay từ giai đoạn chuẩn bị hồ sơ đăng ký niêm yết, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro nêu trên, một số rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... những rủi ro này hiếm khi xảy ra, tuy nhiên có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các hoạt động thương mại cũng như sản xuất của Công ty ... Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Ban lãnh đạo dự kiến có thể tham gia mua bảo hiểm cho tài sản của Công ty, đồng thời nâng cao quản trị tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro từ những thay đổi chính sách tiền tệ, tài khóa hoặc những yêu cầu, ràng buộc của ngân hàng đối vốn vay ...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Ngọc	Kế toán trưởng
Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện tổ chức tư vấn:	Ông Trần Hải Hà
Chức vụ:	Tổng Giám đốc, Đại diện của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 21/2013/MBS/HĐT.V với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC – Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 và 2013 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
- Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
- Người có liên quan: Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Điều 2 – Giải thích thuật ngữ tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- BCTC: Báo cáo tài chính
- BGĐ: Ban Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CAGR: Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Công ty: Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- CP: Cổ phần
- CTCP: Công ty Cổ phần
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- HĐ: Hợp đồng
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- KCN: Khu công nghiệp
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- SGDCK HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- TCKT: Tài chính kế toán
- TCTD: Tổ chức tín dụng
- TGĐ/GĐ: Tổng Giám đốc/Giám đốc
- Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TMCP: Thương mại cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ: Tài sản cố định
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND: Ủy ban nhân dân
- XDCB: Xây dựng cơ bản

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (CTCP XNK Quảng Bình) được thành lập đầu năm 2007 và có trụ sở tại số 23, lô 1, khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, mã số doanh nghiệp 0200730878, trên cơ sở tách ra từ Công ty cổ phần Hảo Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.

Đến đầu năm 2012, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Cũng trong thời gian này, Công ty đã mở thêm 01 văn phòng đại diện tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Chức năng nhiệm vụ của chi nhánh và văn phòng đại diện là trực tiếp thu mua hàng hóa nhập khẩu tại các khu vực cửa khẩu, trực tiếp thực hiện các thủ tục liên quan tới xuất khẩu hàng hóa, thực hiện dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và tái xuất khẩu tất cả các mặt hàng.

Hình ảnh trụ sở Công ty



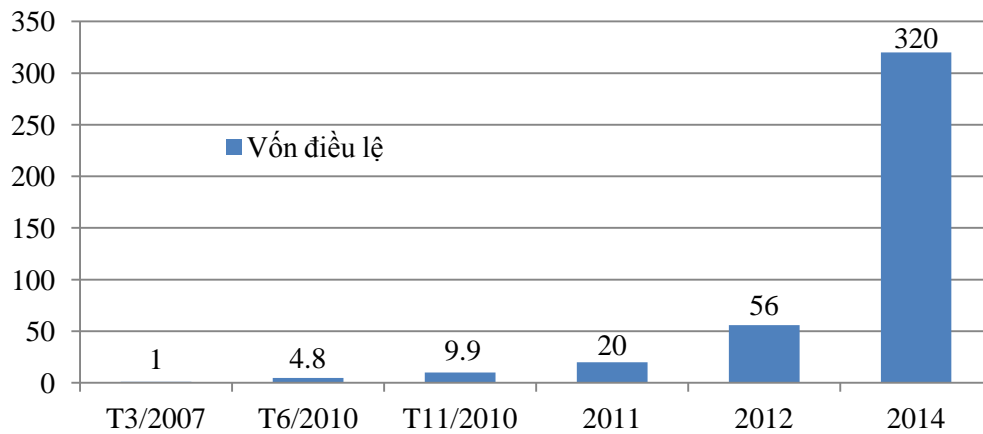
Từ cuối Quý II năm 2013, Công ty CP XNK Quảng Bình đưa nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, với dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu trực tiếp từ Cộng hòa liên bang Đức và Bỉ. Nhà máy sản xuất nhiều dòng sản phẩm không những phù hợp với nhu cầu trong nước mà còn đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đi các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu.

Trong những năm gần đây, Công ty đã mở rộng phạm vi hoạt động thông qua việc thành lập các văn phòng đại diện, chi nhánh tại một số tỉnh thành như: văn phòng đại diện tại Móng Cái (tháng 11/2012), Chi nhánh nhà máy NPK tại Thủy Nguyên (tháng 5/2013), chi nhánh Cao Bằng (tháng 5/2013), Chi nhánh Quảng Bình (tháng 10/2013)

Ngày 07 tháng 12 năm 2013, Công ty đưa vào hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu với diện tích trên 25.000 m² tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa tỉnh Cao Bằng, tạo đòn bẩy thúc đẩy dịch vụ xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu hàng hóa.

Chi tiết các đợt tăng vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Kể từ khi thành lập, Công ty CP XNK Quảng Bình đã trải qua 05 lần tăng vốn. Cụ thể:

▪ Lần đầu: Tăng vốn điều lệ từ 1 tỷ đồng lên 4,8 tỷ đồng

- + Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông)
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Thời gian phát hành: Tháng 06/2010
- + Số lượng phát hành: 380.000 cổ phần.
- + Mục đích phát hành tăng vốn: Nâng cao năng lực tài chính để phục vụ kinh doanh
- + Đơn vị cấp phép: Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng

Cơ sở pháp lý:

- + Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2010/NQ-ĐHCĐ ngày 23/04/2010 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;
- + Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 số 01/2010/BB-ĐHCĐ ngày 23/04/2010 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- + Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 12 ngày 23/06/2010
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2010/NQ-HĐQT ngày 28/04/2010 về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.

▪ Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 4,8 tỷ đồng lên 9,9 tỷ đồng

- + Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông)
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Thời gian phát hành: Tháng 11/2010
- + Số lượng phát hành: 510.000 cổ phần.
- + Mục đích phát hành tăng vốn: Nâng cao năng lực tài chính để phục vụ kinh doanh

+ Đơn vị cấp phép: Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng

Cơ sở pháp lý:

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2010/NQ-ĐHCD ngày 15/09/2010 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;

+ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2010 số 02/2010/BB-ĐHCD ngày 15/09/2010 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

+ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 13 ngày 15/11/2010

+ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2010/NQ-HĐQT ngày 20/09/2010 về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.

▪ **Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 9,9 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng**

+ Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông)

+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần

+ Thời gian phát hành: Tháng 06/2011

+ Số lượng phát hành: 1.100.000 cổ phần.

+ Mục đích phát hành tăng vốn: Nâng cao vốn để kinh doanh, sản xuất

+ Đơn vị cấp phép: Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng

Cơ sở pháp lý:

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2011/NQ-ĐHCD ngày 09/04/2011 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;

+ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2011 số 01/2011/BB-ĐHCD ngày 09/04/2011 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;

+ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 15 ngày 09/06/2011;

+ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2011/NQ-HĐQT ngày 14/04/2014 về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ của Công ty

▪ **Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng**

+ Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông)

+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần

+ Thời gian phát hành: Tháng 01/2012

+ Số lượng phát hành: 3.600.000 cổ phần.

+ Mục đích phát hành tăng vốn: Nâng cao năng lực tài chính để phục vụ kinh doanh

+ Đơn vị cấp phép: Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng

Cơ sở pháp lý:

- + Nghị quyết ĐHCĐ số 02/2011/NQ-ĐHCĐ ngày 30/11/2011 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;
- + Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2011 số 02/2011/BB-ĐHCĐ ngày 30/11/2011 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;
- + Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 16 ngày 31/01/2012;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2011/NQ-HĐQT ngày 03/12/2011 về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.

▪ **Lần 5: Tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng**

- + Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu (20 cổ đông)
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Thời gian phát hành: Tháng 04/2014
- + Số lượng phát hành: 26.400.000 cổ phần.
- + Mục đích phát hành tăng vốn: Nâng cao vốn để kinh doanh, sản xuất

	Nội dung các khoản mục đã sử dụng vốn từ đợt phát hành	Giá trị (đồng)
A	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	214.765.280.630
1	Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên-Hải Phòng (tại Xóm 6 Cống Chanh, huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)	1.875.069.582
2	Xây dựng kho ngoại quan Cao Bằng (tại Lô 52A khu Kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng)	673.211.048
3	Dự án xây dựng kho nội địa I (tại Xóm Xuối Lầy xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình)	80.000.000.000
4	Dự án xây dựng kho nội địa II (Tại Khu Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội)	25.146.000.000
5	Dự án xây dựng kho ngoại quan tại Lào Cai (Tại Thôn Nậm Chủ, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai)	24.937.500.000
6	Dự án nhà trụ sở văn phòng (Tại Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng)	82.000.000.000
7	Siêu thị miễn thuế (Tại số 91-93 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng)	133.500.000
B	Phần tiền thu được từ phát hành chưa được sử dụng: Hiện đang được gửi ngân hàng và để tiền mặt, và được ghi nhận là một phần trong chỉ tiêu “I. Tiền và các khoản tương đương tiền”	49.234.719.370

Tổng cộng	264.000.000.000
------------------	------------------------

+ Đơn vị cấp phép: Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng

Cơ sở pháp lý:

- + Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2014/NQ-ĐHCĐ ngày 05/03/2014 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;
- + Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014 số 01/2014/BB-ĐHCĐ ngày 05/03/2014 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;
- + Giấy chứng nhận ĐKKD 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 24 ngày 25/04/2014;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2014/NQ-HĐQT ngày 08/03/2014 về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.

Thành tựu

Trải qua hơn 07 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã khẳng định được vị thế và uy tín trên thị trường nội địa cũng như quốc tế.

Một số giải thưởng và thành tích tiêu biểu XNK Quảng Bình đã đạt được trong những năm qua:

Thời gian	Thành tích
2009	Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009
	Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009
2010	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng
2011	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng
	Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng
	Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp
	Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011
	Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Thủy Nguyên và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp
2012	Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng
	Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp

Thời gian	Thành tích
	Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế
	Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên
2013	Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới năm 2013
	Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp
	Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện nghiên cứu kinh tế phát triển cấp
	Chứng nhận Doanh nghiệp của năm 2013

Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại phân bón, góp phần xây dựng nền kinh tế đất nước.

Một số thông tin cơ bản về Công ty

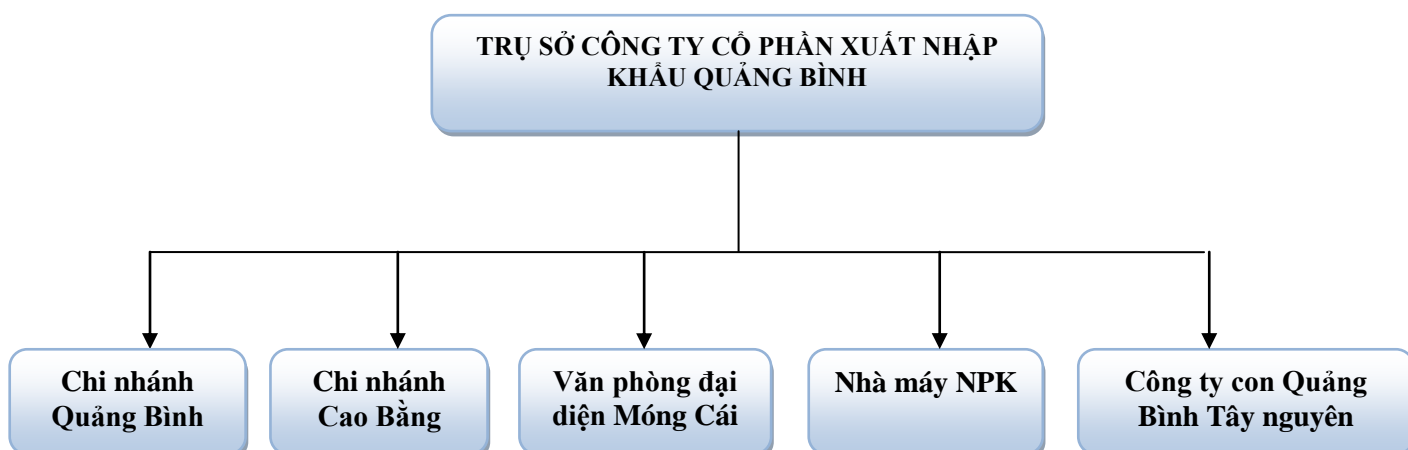
- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**
- Tên tiếng anh: **QUANG BINH IMPORT AND EXPORT JSC**
- Tên giao dịch: Quang Binh., Jsc
- Tên viết tắt: Quang Binh., Jsc
- Trụ sở: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
- Điện thoại: (84)31.626.3333
- Fax: (84)313.533.679
- Website: www.quangbinhjsc.com.vn
- Logo



- Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; đăng ký thay đổi lần 25 ngày 10/09/2014
- Vốn điều đăng ký: 320.000.000.000 (ba trăm hai mươi tỷ) đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 320.000.000.000 (ba trăm hai mươi tỷ) đồng

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ Trụ sở Công ty

Trụ sở Công ty đặt tại Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng. Là nơi diễn ra các hoạt động chính của Công ty.

❖ Chi nhánh Cao Bằng

Chi nhánh đặt tại Tà Lùng - Cao Bằng: tại Lô 52A – Khu Kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng; đây là địa điểm kiểm tra tập kết hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cao Bằng.

❖ Văn phòng đại diện Móng Cái

Văn phòng đại diện Móng Cái tại số 30, khu Thượng Trung, phường Ninh Dương, TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, có chức năng phối hợp với khối văn phòng Công ty và các bộ phận khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

❖ Chi nhánh Quảng Bình

Chi nhánh Quảng Bình được đặt tại Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; có chức năng phối hợp với khối văn phòng công ty và các bộ phận khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

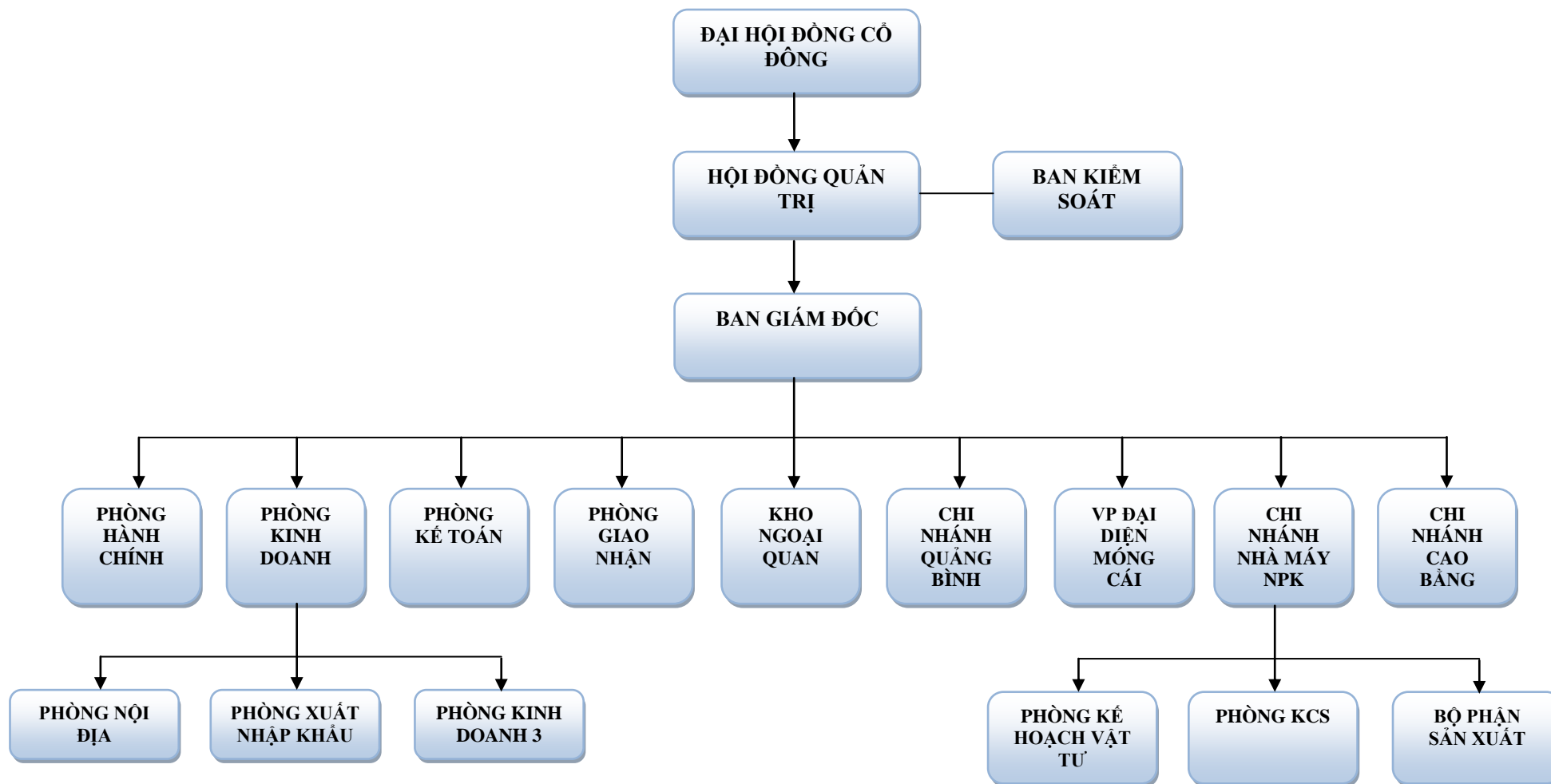
❖ Nhà máy NPK

Nhà máy NPK rộng trên 2 hecta, được đặt tại Xóm 6 Cống Chanh, huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng với công suất 55.000 tấn/năm, thực hiện việc sản xuất và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh.

❖ Công ty con: Công ty CP Nông nghiệp Quảng Bình Tây Nguyên

Địa chỉ tại Khu công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, Huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam. Dự kiến thực hiện trồng cây cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng cây lâu năm. Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chế biến mủ cao su sơ chế...

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Hiện tại, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

❖ Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

❖ Các phòng ban chức năng

Phòng Giao nhận

Chịu trách nhiệm giao nhận, giám sát Hàng hóa của Công ty.

Phòng Kinh doanh

Phòng kinh doanh bao gồm:

- *Phòng kinh doanh nội địa*: Tìm kiếm khách hàng và ký kết các Hợp đồng đối với các khách hàng Nội địa;
- *Phòng Xuất nhập khẩu*: chịu trách nhiệm toàn bộ công việc xuất nhập khẩu từ khâu làm Hợp đồng đến khâu cuối cùng;
- *Phòng Kinh doanh 3*: Có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về các hoạt động kho bãi, các mặt hàng tạm nhập tái xuất; chịu trách nhiệm phát triển, quản lý khách hàng, các chính sách khác về tạm nhập tái xuất và kho Ngoại quan. Địa điểm tập kết, kiểm tra

hàng hóa xuất nhập khẩu với diện tích trên 25.000 m² tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa tỉnh Cao Bằng tạo đòn bẩy thúc đẩy dịch vụ xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu hàng hóa...

Kho ngoại quan

Cung cấp dịch vụ cho thuê kho để tạm lưu giữ và bảo quản hàng hóa hoặc thực hiện một số dịch vụ đối với hàng hóa từ nước ngoài hoặc trong nước đưa vào kho theo hợp đồng thuê kho ngoại quan được ký giữa chủ kho ngoại quan và chủ hàng.

Phòng Kế toán

Phòng Tài chính kế toán thực hiện các chức năng:

- Quản lý lao động tiền lương;
- Tổ chức bộ máy kế toán; quản lý vốn và tài sản;
- Thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư;
- Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm.

Phòng hành chính

Tham mưu cho Ban Giám đốc về việc bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan; môi trường, phòng cháy chữa cháy; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ.

Chi nhánh Quảng Bình

Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

Chi nhánh Cao Bằng

Chi nhánh đặt tại Tà Lùng - Cao Bằng: là địa điểm kiểm tra tập kết hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cao Bằng.

Văn phòng đại diện tại Móng Cái

Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

Chi nhánh – Nhà máy NPK

Sản xuất và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh. Bao gồm các phòng ban:

- *Phòng Kế hoạch Vật tư*: Là phòng nghiệp vụ quản lý vật tư của Công ty, Tổ chức cung ứng vật tư chính. Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý, khai thác vật tư.
- *Phòng KCS*: thực hiện chức năng: phân tích chất lượng các sản phẩm của nhà máy, đề xuất với ban lãnh đạo Công ty các vấn đề nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như tối ưu hóa hoạt động của nhà máy NPK.
- *Bộ phận sản xuất*: Phối hợp chặt chẽ với chi nhánh nhà máy NPK để dây chuyền sản xuất diễn ra thuận lợi, đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào cho nhà máy và sản phẩm cho khách hàng của Công ty

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/06/2014

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm 25/06/2014)

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ / VĐL (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	CMND số 031008939 do Công an Hải Phòng cấp ngày 30/7/2003	Số 327, đường 10, Phố Mới, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	3.200.000	10%
2	Nguyễn Thanh Bình	CMND số 031177142 do Công an Hải Phòng cấp ngày 01/06/2011	Số 327, đường 10, Phố Mới, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	3.200.000	10%
3	Công ty Cổ phần chứng khoán IB	73/GCNTVLK-4	Tầng 5+6 Số 37 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.300.000	10,31%
	Tổng Cộng			9.700.000	30,31%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

❖ Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm 25/06/2014

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 25/06/2014

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ / VĐL (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	CMND số 031008939 do Công an Hải Phòng cấp ngày 30/7/2003	Số 327, đường 10, Phố Mới, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	3.200.000	10%
2	Nguyễn Văn Ngo	CMND số 031263274 do Công an Hải Phòng cấp ngày 16/06/2000	Xóm Lang, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	20.000	0,0625%
3	Nguyễn Văn Khoái	CMND số 030112013 do Công an Hải Phòng cấp ngày 27/06/2007	Số 93, Đường Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng	1.000.000	3,125%
	Tổng cộng			4.220.000	13,1875%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Ghi chú: Các cổ phiếu của cổ đông sáng lập chuyển nhượng có điều kiện trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty thành lập (ngày 12/03/2007) theo quy định của Luật Doanh

ngiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

❖ **Cơ cấu cổ đông đến ngày 25/06/2014**

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông đến ngày 25/06/2014

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	305	32.000.000	320.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	1	3.300.000	33.000.000.000	10,31%
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	304	28.700.000	287.000.000.000	89,69%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
	Tổng cộng	305	32.000.000	320.000.000.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. Công ty mẹ của Công ty: Không có

5.2. Công ty con của Công ty:

- Tên: Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quảng Bình Tây Nguyên
- Địa chỉ: Khu công nghiệp tiêu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, Huyện Đăk Míl, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 6400308819 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp ngày 30/09/2014.
- Lĩnh vực hoạt động: trồng cây cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng cây lâu năm. Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chế biến mù cao su sơ chế...
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VND
- Số cổ phần thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình: 65%
- Công ty dự kiến sẽ chính thức đi vào hoạt động trong tháng 11/2014

5.3. Công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác của Công ty:

- Tên: Công ty TNHH MTV DAP – VINACHEM là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam.
- Địa chỉ: Lô GI-7, Khu Kinh tế Đình Vũ, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng Việt Nam
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200827051, do Sở kế hoạch & Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 29/7/2008.
- Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ, Sản xuất hoá chất cơ bản, Bán buôn phân bón và hoá chất khác sử dụng trong Nông nghiệp....(hiện sở hữu thương hiệu DAP Đình Vũ)
- Vốn điều lệ: 1.461.099.000.000 VND
- Số cổ phần thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình: 15%

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Một số ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá.
2	Bán buôn chuyên doanh; Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
3	Sản xuất phân bón và hợp chất ni-tơ;
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn hoa hồi khô, hoa hoè, quế khô, nấm. Bán buôn hạt vừng khô, hạt lạc, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, hạt đậu mắt đen, hạt dẻ cười.
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
6	Bán buôn gạo;
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
8	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: môi giới hợp đồng hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản)

6.2. Giới thiệu các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

6.2.1 Sản xuất và kinh doanh Phân bón

Phân bón là mảng hoạt động kinh doanh **truyền thống** và **chủ yếu** của Công ty trong hơn 07 năm hình thành và phát triển.

Đây là mảng hoạt động kinh doanh trên cơ sở tách ra từ Công ty cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản; được duy trì và phát triển từ ngày đầu thành lập của Công ty. Theo đó, mảng sản xuất và kinh doanh phân bón cũng là mảng hoạt động mang lại phần lớn Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty, chiếm khoảng từ 60% - 80% Doanh thu qua các năm hoạt động.

Với lợi thế có ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu phân bón, Công ty đã từng bước xây dựng mạng lưới khách hàng quốc tế với trên 25 khách hàng lớn bao gồm nhiều công ty, tập đoàn đa quốc gia như: Deawoo International Corporation (Hàn Quốc), Samsung T&T Corporation (Singapore), Ameropa (Thụy Sĩ), Agrogate (M) SDN BHD (Malaysia), Transmart DMCC (Dubai – UAE), Helm AG – Đức, Mainland Minerals – Newzealand ...

Bên cạnh thị trường quốc tế, tại thị trường nội địa, mạng lưới phân phối và tiêu thụ các sản phẩm của Công ty bao gồm phân bón NPK, Urea, DAP, MOP ... qua các nhà phân phối với độ phủ trên toàn miền Bắc và một số tỉnh Miền Trung, Miền Nam. Các thị trường nội địa chính của Công ty bao gồm: Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội, Lào Cai, Móng Cái và Tp. Hồ Chí Minh... Hiện nay, Công ty CP XNK Quảng Bình đang tiếp tục khai thác thị trường trong nước nhằm phát huy thế mạnh về sản phẩm cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng của mình.

Về mảng Phân bón, Công ty có hai hoạt động là Thương mại và Sản xuất. Cụ thể:

Phân bón thương mại

Hoạt động Thương mại về Phân bón, Công ty có hai thị trường chính là Xuất khẩu ra nước ngoài và bán trong nước:

Xuất khẩu: đây là thị trường chủ yếu mang lại Doanh thu và Lợi nhuận cho hoạt động Thương mại Phân bón, chiếm đến 81% (năm 2012) và 76% (năm 2013) Doanh thu từ hoạt động Thương mại Phân bón.

Các loại sản phẩm phân xuất khẩu như: DAP, Urê, MAP, NPA, Lân, Kali,.. trong đó chủ yếu là DAP, Urê và MAP. Nguồn cung cấp hàng cho hoạt động xuất khẩu này chính là các nhà máy phân đạm trong nước, chủ yếu là Công ty TNHH một thành viên DAP - VINACHEM (cung cấp DAP), Công ty CP Phân Lân Ninh Bình (cung cấp Lân nung chảy), Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình (cung cấp Ure) và một số Công ty phân đạm khác trong nước khác.

Công ty hiện đang là nhà xuất khẩu lớn hàng đầu về Phân DAP của cả nước (mang về khoảng 1/3 Doanh thu thuần và 1/4 Lợi nhuận gộp của Công ty). Tại Việt Nam, hiện mới chỉ có Công ty TNHH một thành viên DAP - VINACHEM (thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam, có trụ sở và nhà máy tại Hải Phòng) sản xuất phân DAP, và Quảng Bình là nhà phân phối và xuất khẩu chính của DAP – VINACHEM. Các loại Phân bón còn lại, Công ty cũng chiếm một phần đáng kể giúp mang về khoảng 1/3 Doanh thu thuần và 1/4 lợi nhuận gộp của Công ty.

Các khu vực và các nước Công ty đang xuất khẩu như: Châu Phi, Châu Úc, Hàn Quốc, New Zealand, một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Philippines Myanmar,..

Kinh doanh tại thị trường nội địa: Phân bón bán trong nước của Công ty chỉ chiếm khoảng 19% (năm 2012) và 24% (năm 2013) Doanh thu từ hoạt động Thương mại Phân bón.





Với thị trường trong nước, Quảng Bình chiếm khoảng 5% thị trường cung cấp phân bón trên cả nước. Các loại sản phẩm phân bón trong nước như: DAP, Urê, MAP, NPA, Lân, Kali,.. trong đó chủ yếu là DAP, Urê và MAP.



Công ty thực hiện bán phân phối trong nước chủ yếu cho các đại lý cấp dưới (cấp thấp hơn), các Công ty phân phối Phân bón khác trong nước.

Các sản phẩm Phân bón thương mại của Công ty

Sản phẩm	Hình ảnh
<p>DAP (Diamon Phosphate)</p> <p>Là một dạng của Phân hỗn hợp (phân đôi) - là loại phân hỗn hợp có 2 dưỡng chất quan trọng: N và P, hàm lượng phổ biến là 18-46-0</p> <p><i>Đặc điểm:</i> có dạng hạt tròn, đường kính từ 1-4mm, có nhiều màu khác nhau, như: xanh ngọc, xanh nõn chuối, vàng, trắng ngà, xám, nâu, đen</p> <p><i>Sử dụng:</i> DAP có thể dùng để bón trực tiếp cho cây trồng hoặc dùng làm nguyên liệu sản xuất ra các loại phân NPK</p> <p><i>Tỷ trọng:</i> Chiếm từ 50% - 60% Doanh thu mảng Phân bón của Công ty.</p>	 
<p>URÊ (UREA) [CO(NH2)2]</p> <p>là một loại Phân Đơn (<i>loại phân chỉ chứa 1 trong 3 nguyên tố dinh dưỡng chủ yếu là N, P hoặc K</i>) có tối thiểu 46%N</p> <p><i>Đặc điểm:</i> Có hai loại phân Urê chính là loại Hạt trong (Prilled UREA) và Hạt đục (Granular UREA).</p> <p>Urê hạt trong: phân rất dễ tan, có màu trắng trong, dạng hạt tròn.</p> <p>Urê hạt đục: Phân có dạng hạt to, đường kính hạt 2- 4mm, cứng, màu trắng đục như sữa.</p>	<p>Urê hạt trong:</p> 

Sản phẩm	Hình ảnh
<p><i>Sử dụng:</i> Urê hạt trong: là loại phổ biến nhất, dùng bón trực tiếp cho cây trồng.</p> <p>Urê hạt đục: có thể bón trực tiếp cho cây trồng hoặc dùng làm nguyên liệu sản xuất các loại phân hỗn hợp khác như NPK.</p> <p><i>Tỷ trọng:</i> Chiếm từ 25% - 40% Doanh thu mảng Phân bón của Công ty.</p>	<p>Urê hạt đục:</p> 
<p>MAP (Monoammonium Phosphate)</p> <p>Là một dạng của Phân hỗn hợp (phân đôi) - là loại phân hỗn hợp có 2 dưỡng chất quan trọng: N và P, hàm lượng phổ biến là 12-61-0</p> <p><i>Đặc điểm:</i> có dạng hạt tròn, đường kính 1-4mm, có nhiều màu khác nhau như: nâu, xám, đen, xanh, vàng.....</p> <p><i>Sử dụng:</i> Loại phân này chủ yếu dùng làm nguyên liệu sản xuất các loại phân NPK</p> <p><i>Tỷ trọng:</i> Chiếm từ 5% - 10% Doanh thu mảng Phân bón của Công ty.</p>	
<p>Phân SA (Ammonium Sulphate) $[(NH_4)_2SO_4]$</p> <p>Là loại phân đơn, có tối thiểu 21% N.</p> <p><i>Đặc điểm:</i> có màu trắng trong hoặc trắng ngà, dạng tinh thể lấp lánh như kim cương hoặc như đường kính trắng, nhưng cỡ hạt lớn hơn, hoặc dạng hạt nhỏ, mịn. Dễ tan và tan hết trong nước, khi tan hấp thu nhiệt rất mạnh.</p> <p><i>Sử dụng:</i> Dùng bón trực tiếp cho cây trồng, nhất là cây công nghiệp dài ngày, hoặc dùng làm nguyên liệu sản xuất phân hỗn hợp NPK.</p> <p><i>Tỷ trọng:</i> Chiếm từ 1% - 2% Doanh thu mảng Phân bón của Công ty.</p>	
<p>Phân NPK</p> <p>Là loại phân hỗn hợp (chứa N, P, K), Hàm lượng dinh dưỡng trong phân theo thứ tự là N, P, K được tính theo nồng độ phần trăm.</p> <p><i>Đặc điểm:</i> được chia thành phân trộn và phân</p>	

Sản phẩm	Hình ảnh
<p>phức hợp.</p> <p>- <i>Phân trộn</i>: được sản xuất bằng cách phối trộn các loại phân nguyên liệu chứa Đạm, Lân và Ka-li với nhau theo một tỷ lệ nhất định, tạo thành một hỗn hợp gồm các hạt chứa riêng rẽ từng loại dinh dưỡng, mà không có sự tổ hợp hóa học giữa những chất đó. Loại phân này thường có nhiều màu.</p> <p>- <i>Phân phức hợp</i>: được sản xuất dựa trên phản ứng hóa học từ những nguyên liệu căn bản để tạo thành các hạt phân tổng hợp mà mỗi hạt đều chứa đủ các thành phần dinh dưỡng theo một tỷ lệ nhất định.</p> <p><i>Sử dụng</i>: cung cấp dinh dưỡng đa lượng đạm, lân, kali và những nguyên tố trung và vi lượng khác cho cây trồng.</p> <p><i>Tỷ trọng</i>: Chiếm từ 1% - 2% Doanh thu mảng Phân bón của Công ty.</p>	<p><i>Phân NPK trộn</i></p>  <p><i>Phân NPK phức hợp</i>:</p> 
<p>Phân Kali (MOP)</p> <p>Là loại phân đơn, có chứa tối thiểu 60% K₂O.</p> <p><i>Đặc điểm</i>: có dạng mảnh hoặc bột, màu sắc đặc trưng là đỏ hồng, hồng nhạt, đỏ tím và màu trắng, dễ hút ẩm.</p> <p><i>Sử dụng</i>: bón cho nhiều loại cây trên nhiều loại đất, không bón cho đất mặn và cây không ưa Clo</p> <p><i>Tỷ trọng</i>: Chiếm từ 1% - 2% Doanh thu mảng Phân bón của Công ty.</p>	 
<p>Phân lân</p>	

Sản phẩm	Hình ảnh
<p>Là loại phân đơn, chứa từ 15,5%-16% Ô-xít Phốt-pho (P2O5 hữu hiệu).</p> <p><i>Đặc điểm:</i> gồm Supe lân và Lân nung chảy, khó tan trong nước.</p> <p>Supe lân: có dạng bột mịn, có màu xám, xám xanh.</p> <p>Lân nung chảy: dạng bột mịn và dạng mảnh, Màu sắc đen, xanh đen hoặc xám sẫm. đen, xanh đen, xám sẫm. Không tan trong nước.</p> <p><i>Sử dụng:</i> Cung cấp chất dinh dưỡng lân (P2O5) cho cây trồng.</p> <p><i>Tỷ trọng:</i> Chiếm từ 1% - 2% Doanh thu mảng Phân bón của Công ty.</p>	<p>Phân lân nung chảy:</p>  <p>Supe lân:</p> 

Hoạt động sản xuất Phân bón

Sau thời gian tìm hiểu, nghiên cứu và thử nghiệm, tháng 9 năm 2013, Công ty đã đưa nhà máy sản xuất phân bón NPK rộng 2,5 hecta tại Thủy Nguyên vào hoạt động với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất tối đa lên tới trên 50.000 tấn NPK/năm và 20.000 tấn Lân/năm (tương đương mức doanh thu khoảng 350 tỷ đồng/năm), tổng mức đầu tư khoảng 72 tỷ đồng.

Với kinh nghiệm với uy tín lớn trong ngành, ban lãnh đạo Công ty đã thiết lập nguồn cung đầu vào ổn định cho nhà máy, chủ yếu đến từ: Ure Ninh Bình, DAP Đình Vũ ...

Hiện tại, 50% tổng sản phẩm nhà máy sản xuất ra đang được Công ty xuất khẩu, Ban lãnh đạo Công ty đang đặt mục tiêu phấn đấu thực hiện 70% sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy được xuất khẩu.

Hình ảnh nhà máy sản xuất NPK



Hình ảnh dây chuyền sản xuất

Máy móc và công nghệ sản xuất NPK và Lân được nhập khẩu từ Đức: với dây chuyền công nghệ hiện đại tạo hạt bằng thùng quay hơi nước, hệ thống xử lý bụi tiên tiến bằng phương pháp lọc bụi tay áo.

Các động cơ và bộ giảm tốc được nhập khẩu từ các nước Châu Âu.



Nhằm tối ưu hóa hoạt động của nhà máy, Công ty CP XNK Quảng Bình đã thành lập phòng KCS phân tích chất lượng các sản phẩm của nhà máy: lân chậm tan, NPK các chủng loại và phân tích nguyên liệu đầu vào: lân trắng, DAP, SA, Cao lanh, apatit, Urea, MAP Supe lân tươi, than...



Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đăng ký thương hiệu riêng cho các dòng sản phẩm NPK Đình Vũ, lân Đình Vũ nhằm đẩy mạnh quảng bá thương hiệu sản phẩm của mình.



6.2.2 Kinh doanh Hóa chất

Hoạt động kinh doanh Hóa chất cũng là hoạt động truyền thống và chủ yếu thứ 2 sau hoạt động kinh doanh Phân bón của Công ty. Đây là mảng hoạt động mang lại khoảng từ 10% - 20% Doanh thu của Công ty qua các năm hoạt động.

Hoạt động kinh doanh Hóa chất của Quảng Bình là hoạt động Nhập khẩu và phân phối hóa chất cho thị trường Việt Nam. Hiện tại Quảng Bình đang kinh doanh 2 loại hóa chất, đó là Lưu huỳnh (Sulfur) và Axit Sulphuaric (H₂SO₄).

Về Lưu huỳnh, Quảng Bình hiện đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Lưu huỳnh tại Việt Nam: Là một trong 2 nhà Nhập khẩu duy nhất về Lưu huỳnh tại thị trường VN. Nhà nhập khẩu còn lại là một tổ chức nước ngoài. Trong nước gần như chưa có sản xuất, quy mô nhỏ lẻ chỉ đáp ứng chưa được 1% nhu cầu Lưu huỳnh trong nước;

Về Axit Sulphuaric, Quảng Bình hiện cũng đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Axit (H₂SO₄) tại Việt Nam: Là một trong 2 nhà Nhập khẩu duy nhất về Axit tại

thị trường VN. Nhà nhập khẩu còn lại là Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam (SBCC) – Công ty con của Tập đoàn Hóa chất. Trong nước mới sản xuất đáp ứng được 5% nhu cầu Axít Sulphuaric trong nước.

Do hầu như toàn bộ (99%) nguồn cung Lưu huỳnh cho thị trường trên thế giới là sản phẩm phụ của ngành sản xuất dầu khí, nên chủ yếu Lưu huỳnh được Quảng Bình nhập khẩu từ các khu vực và nước có trữ lượng và sản xuất dầu khí lớn trên thế giới như: Nga, các nước Trung Đông (Israel, Belarus,..), Nhật Bản,..

Khách hàng chủ yếu của Quảng Bình về mảng kinh doanh hóa chất này chủ yếu là các Công ty về sản xuất phân bón, giấy, đường, và các phụ gia thức ăn chăn nuôi,.. Phần lớn đây cũng chính là các nhà cung cấp phân bón cho hoạt động kinh doanh Phân bón của Công ty.

Các sản phẩm hóa chất thương mại của Công ty

Sản phẩm	Hình ảnh
<p>Lưu huỳnh (Sulfur)</p> <p>Đây là phi kim phổ biến, không mùi, không vị, nhiều hóa trị. Lưu huỳnh, trong dạng gốc của nó là chất rắn kết tinh màu vàng chanh.</p> <p><i>Sử dụng:</i></p> <p>Lưu huỳnh có nhiều ứng dụng công nghiệp. Thông qua dẫn xuất chính của nó là axit sulfuric (H₂SO₄), lưu huỳnh được đánh giá là một trong các nguyên tố quan trọng nhất được sử dụng như là nguyên liệu công nghiệp. Đó là hóa chất quan trọng bậc nhất đối với mọi lĩnh vực của nền kinh tế thế giới.</p> <p>Nông nghiệp là lĩnh vực sử dụng lưu huỳnh hàng đầu, chủ yếu ở dạng axit sunphuric - đây là chất trung gian cơ bản để sản xuất axit photphoric, phân đạm, phân lân, thuốc bảo vệ thực vật cũng như các sản phẩm nông hóa khác. Trên 50% sản lượng lưu huỳnh trên thế giới được sử dụng cho sản xuất phân bón.</p> <p>Ngoài ra, Lưu huỳnh cũng được sử dụng trong sản xuất ắc quy, bột giặt, lưu hóa cao su, thuốc diệt nấm và trong sản xuất các phân bón photphat. Các sulfit được sử dụng để làm trắng giấy và làm chất bảo quản trong rượu vang và làm khô hoa quả. Do bản chất dễ cháy của nó, lưu huỳnh cũng được dùng trong các loại diêm, thuốc súng và pháo hoa....</p> <p>Lưu huỳnh thường không được sử dụng trực tiếp như sản phẩm mà phần lớn được dùng làm nguyên liệu để sản xuất Axit sunphuric.</p>	 

Sản phẩm	Hình ảnh
<p><i>Tỷ trọng:</i> Chiếm từ 60% - 90% Doanh thu mảng kinh doanh Hóa chất của Công ty.</p>	
<p>Axít sulfuric (H₂SO₄)</p> <p>Là một axit vô cơ mạnh, ở dạng dầu trong suốt, không màu, không mùi.</p> <p><i>Sử dụng:</i></p> <p>Axít sulfuric có nhiều ứng dụng, và được sản xuất với một sản lượng lớn hơn bất kỳ chất hóa học nào, ngoại trừ nước.</p> <p>Ứng dụng chủ yếu của H₂SO₄ bao gồm sản xuất phân bón, chế biến quặng, tổng hợp hóa học, xử lý nước thải và tinh chế dầu mỏ.</p> <p>Axít sulfuric là hóa chất thương mại rất quan trọng, và sản lượng axit sulfuric của một quốc gia được coi như là một chỉ số tốt về sức mạnh công nghiệp của quốc gia đó.</p> <p><i>Tỷ trọng:</i> Chiếm từ 10% - 40% Doanh thu mảng kinh doanh Hóa chất của Công ty.</p>	

6.2.3 Các hoạt động kinh doanh khác

Hoạt động kinh doanh dịch vụ khu ngoại quan

Nhận thấy tầm quan trọng của hoạt động kho bãi đối với việc xuất nhập khẩu hàng hóa, kiểm tra hải quan, đồng thời nhằm đa dạng hóa và gia tăng giá trị cho các hoạt động kinh doanh hiện có của Công ty; tháng 9/2013, Công ty CP XNK Quảng Bình đưa vào sử dụng kho ngoại quan tại Hải Phòng với tổng diện tích 1,5 hecta với hệ thống kho bãi hiện đại, được trang bị camera cho phép ban quản lý theo dõi hoạt động và đảm bảo an ninh chặt chẽ. Những quy định chặt chẽ của Bộ Tài Chính trong về điều kiện thành lập kho ngoại quan trong thời gian đã tạo điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp với tiềm năng tài chính vững vàng như Công ty CP XNK Quảng Bình tham gia vào thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi ngoại quan.



Với kết quả hoạt động khả quan và biên lợi nhuận tốt của kho ngoại quan tại Hải Phòng, tháng 12/2013, Công ty tiếp tục đưa vào hoạt động địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu với diện tích trên 25.000 m² tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa tỉnh Cao Bằng, tạo đòn bẩy thúc đẩy dịch vụ xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu hàng hóa.



Với vị trí quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, xúc tiến đầu tư, thu hút khách tham quan du lịch và hội nhập kinh tế quốc tế, trong những năm gần đây lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng tăng đều qua từng năm. Năm 2009, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt gần 100 triệu USD đến năm 2013 đạt 2 tỷ USD. Điểm kiểm tra tập trung hàng hóa của Công ty CP XNK Quảng Bình có diện tích lớn, tạo điều kiện thuận lợi thông quan cho xe container, cho phép khoảng 100 xe container tập kết kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu cùng một lúc. Với vị trí thuận lợi nằm sát với cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng, Chi nhánh của Công ty tại Cao Bằng được kỳ vọng sẽ tạo thành một khu vực thông quan hàng xuất nhập khẩu kèm theo các dịch vụ giá trị gia tăng có quy mô, hiện đại và hiệu quả, đồng thời đặt nền móng cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh này của Công ty.

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Ngoài các mảng hoạt động trên, tận dụng mối quan hệ từ mạng lưới khách hàng rộng lớn cả trong và ngoài nước, Công ty CP XNK Quảng Bình từng bước đưa các sản phẩm của Việt Nam ra thị trường quốc tế cũng như đưa các sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế đến tay người tiêu dùng nội địa, bao gồm:

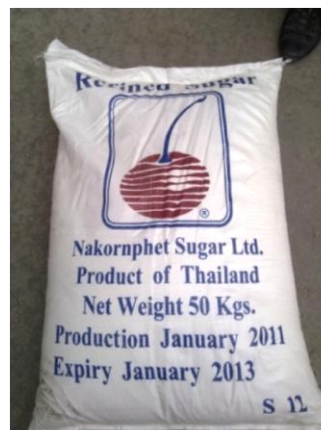
- Xuất khẩu: gạo, đường...



- Nhập khẩu: khô đậu tương ...



- Hàng tạm nhập tái xuất: đường, hàng đông lạnh, bông, hàng hoa quả khô...



6.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013			6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu mảng Phân bón	1.875.700	78%	1.563.270	81%	(16,66%)	767.868	65,86%
2	Doanh thu mảng Hóa chất	405.780	17%	275.698	14%	(32,06%)	318.847	27,34%
3	Doanh thu từ hoạt động khác	110.367	5%	100.976	5%	(8,51%)	79.282	6,80%
	Tổng	2.391.847	100%	1.939.946	100%	(19,12%)	1.165.997	100%

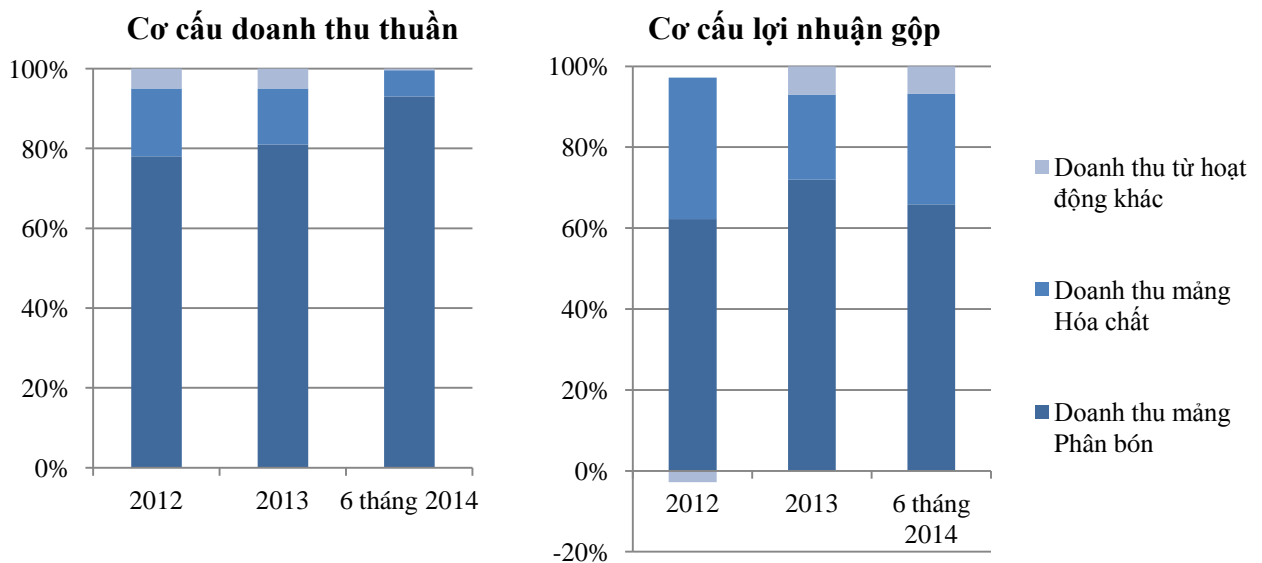
Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013			6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Tăng/giảm so với 2012 (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp mảng Phân bón	58.549	65,77%	55.902	71,32%	(5%)	51.763	65,85%
2	Lợi nhuận gộp mảng Hóa chất	32.598	36,62%	17.422	22,23%	(50%)	21.494	27,35%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác	(2.133)	(2,4%)	5.053	6,45%	n/a	5.345	6,80%
	Tổng	89.015	100%	78.377	100%	(12%)	78.602	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Biểu 3: Cơ cấu doanh thu thuần, Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty



Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 của CTCP XNK Quảng Bình

Về cơ cấu Doanh thu và Lợi nhuận gộp của Công ty, có thể thấy Phân bón là lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống và chủ yếu của Công ty, nên hoạt động này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng Doanh thu thuần (chiếm từ 78% trở lên) và Lợi nhuận gộp (chiếm từ 65% trở lên) của Công ty qua 2 năm gần đây và 06 tháng đầu năm 2014. Tiếp theo sau đó là lĩnh vực Hóa chất và các hoạt động khác.

Về giá trị, nhìn chung năm 2013 Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp của Công ty đều giảm so với năm 2012. Ngoài ảnh hưởng từ những khó khăn chung của nền kinh tế vĩ mô, nguyên nhân chủ yếu là do giá Phân bón và giá Hóa chất (lưu huỳnh và Axit sulfuric) trong nước và quốc tế đã giảm tương đối mạnh trong năm 2013 khiến doanh thu, lợi nhuận gộp từ hai mảng hoạt động chính là phân bón và hóa chất giảm. Cụ thể:

- Giá Phân bón bán ra tại Công ty trung bình giảm khoảng 16% trong giai đoạn 2012 - 2013. Tuy nhiên, điều này hầu như không làm ảnh hưởng đến khối lượng tiêu thụ kinh doanh Phân bón của Công ty qua hai năm, chỉ giảm khoảng 2 ngàn tấn, từ mức 169 ngàn tấn năm 2012 xuống còn 167 ngàn tấn năm 2013. Điều này khiến cho Doanh thu của mảng Phân bón (chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng Doanh thu thuần) giảm 16,66% trong năm 2013;
- Giá Hóa chất (lưu huỳnh và Axit sulfuric) bán ra tại Công ty bình quân giảm khoảng 35% trong giai đoạn 2012 - 2013. Tuy nhiên khối lượng tiêu thụ kinh doanh hóa chất của Công ty lại gia tăng từ mức 88 ngàn tấn năm 2012 lên 93 ngàn tấn năm 2013 nên đã hạn chế mức giảm doanh thu từ hoạt động này xuống còn khoảng 32%.

Ngoài hai mảng chính là Phân bón và Hóa chất mang lại phần lớn Doanh thu và Lợi nhuận gộp cho Công ty, hoạt động khác (kinh doanh thức ăn chăn nuôi, hàng nông sản, hàng đông lạnh ...) chiếm tỷ trọng không lớn, tuy nhiên đang có biến chuyển rất tích cực từ kết quả lợi nhuận gộp âm 2,1 tỷ đồng của năm 2012, Công ty đã đạt mức lợi nhuận gộp trên 5 tỷ đồng từ các mảng hoạt động này trong năm 2013 và trên 5,3 tỷ đồng riêng trong 6 tháng đầu năm 2014 nhờ đưa vào kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan.

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần của Công ty đạt trên 1.165 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt hơn 78 tỷ đồng, tương đương lợi nhuận gộp cả năm 2013. Trong giai đoạn này, Công ty tiếp tục thực hiện các đơn hàng lớn được ký kết trong giai đoạn cuối năm 2013, đầu năm 2014, đồng thời bắt đầu ghi nhận doanh thu, lợi nhuận từ các mảng kinh doanh mới. Riêng đối với mảng kinh doanh hàng hóa chất, doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt mức tăng trưởng vượt trội so với cả năm 2013 do Công ty chủ động khai thác các khách hàng cũ, ký kết được nhiều hợp đồng lớn cung cấp lưu huỳnh và axit sunfuric cho CTCP Hóa chất Phúc Lâm, DMC Hà Nội, Hóa chất Đức Giang, DAP Vinachem ...

Trong bối cảnh nền kinh tế đang trên đà hồi phục, tiềm năng thương mại lớn đến từ hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) và lộ trình mở cửa nền kinh tế sau khi gia nhập WTO, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình đã gây dựng được lợi thế cạnh tranh nhờ mạng lưới khách hàng lớn, chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, các hoạt động kinh doanh mang lại giá trị gia tăng và bổ trợ lẫn nhau. Việc Công ty đưa vào sử dụng nhà máy NPK và mở rộng hoạt động kinh doanh sang các mảng có khả năng sinh lời cao như: kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế (dự kiến đưa vào hoạt động năm 2015) có thể giúp doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng khả quan trong những năm tới.

Ngoài ra, đến thời điểm ngày 18/10/2014, Công ty đã thực hiện lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính Quý III/2014. Báo cáo này được đính kèm tại phụ lục của Bản cáo bạch.

6.4. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên, nhiên vật liệu của Công ty

Các nguyên liệu đầu vào sử dụng trong mảng xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa của Công ty rất đa dạng, chủ yếu là hàng hóa, thành phẩm bao gồm DAP Đình Vũ, Lân Đình Vũ, Ure Ninh Bình, MOP, MAP, Lưu huỳnh, Axit Sulfuric, gạo, đường.

Nguyên vật liệu chính đối với hoạt động sản xuất phân bón NPK của Công ty bao gồm DAP đình vũ, Ure Ninh Bình, MOP, supe lân, Cao lanh và các loại bao bì ... Chất lượng thành phẩm phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguyên vật liệu nên Công ty rất chú trọng việc lựa chọn nhà cung cấp và kiểm soát chất lượng đầu vào.

Công ty lựa chọn các đơn vị cung cấp dựa trên sự chào giá cạnh tranh. Việc lựa chọn nhiều nhà cung cấp có ưu điểm là Công ty có thể luân chuyển nguồn vốn lưu động một cách linh hoạt, nói cách khác, Công ty có thể tận dụng được thời gian thanh toán chậm của nhiều đơn vị cung cấp sản phẩm so với việc lựa chọn cố định một đơn vị.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Các nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là những nguyên vật liệu được sản xuất cả trong nước và ngoài nước như: DAP, supe lân, MOP, SA Một số nhà cung cấp chính được đánh giá uy tín và ổn định như: Công ty TNHH MTV DAP VINACHEM (cung cấp DAP); Công ty TNHH TM và ĐT Minh Lê (cung cấp lân); Bary Chemical Pte, ltd (cung cấp MOP), Heartychem Corporation (cung cấp SA) ... Các đơn vị cung cấp chủ yếu trên luôn đảm bảo về tiến độ thời gian cung cấp cũng như chất lượng, là nhà cung cấp uy tín và ổn định lâu năm của Công ty.

Bảng 6: Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu/hàng hóa đầu vào chính của Công ty

STT	Loại nguyên vật liệu	Nhà cung cấp	Xuất xứ
1	DAP	Công ty TNHH MTV DAP VINACHEM	Việt Nam
2	Lân	Công ty TNHH TM và ĐT Minh Lê	Việt Nam
3	MOP	Bary Chemical Pte, ltd	Singapore
4	DAP	DAP Đình Vũ	Việt Nam
5	Ure	Ure Ninh Bình	Việt Nam
6	Lưu huỳnh, axit H ₂ SO ₄	Marubeni Corporation	Nhật bản
7	Lưu huỳnh, axit H ₂ SO ₄	Sinopec Chemical commercial Holding (Hongkong) Co., Limited	Hồng Kông
8	Lưu huỳnh, axit H ₂ SO ₄	Obetech Pacific Corporation	Malaysia
9	Lưu huỳnh, axit H ₂ SO ₄	Mitsui & CO., Ltd	Nhật bản
10	SA, Lưu huỳnh, axit H ₂ SO ₄	Heartychem Corporation	Hàn Quốc

Nguồn: Công ty CP XNK Quảng Bình

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Mảng xuất nhập khẩu hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn trên tổng cơ cấu doanh thu hàng năm, lợi nhuận của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình, theo đó những biến động giá cả đầu vào có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của công ty nói chung. Bên cạnh đó, với đặc thù là lĩnh vực sản xuất, mảng phân bón NPK đồng thời cũng chịu sự ảnh hưởng không nhỏ từ yếu tố giá cả nguyên vật liệu, đòi hỏi Ban lãnh đạo phải có những biện pháp thích hợp nhằm ổn định hóa nguồn cung đầu vào cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu

Nhận thức rõ rủi ro và sự ảnh hưởng lớn của giá thành nguyên vật liệu, Công ty đã có kế hoạch và biện pháp chủ động về nguồn nguyên vật liệu, cụ thể như sau:

- Chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu. Thường xuyên đánh giá, nhận định thật chính xác về năng lực cung cấp, chất lượng sản phẩm cũng như các yếu tố môi trường như địa lý, tập quán thương mại của các nhà cung cấp...
- Công ty đã có biện pháp ký hợp đồng giữ giá với các nhà cung cấp nên hạn chế được sự tác động của tăng giá nguyên vật liệu tới giá thành phẩm.
- Phần lớn với các đơn hàng được ký kết, yếu tố tăng giá, trượt giá trên thị trường trong thời gian thực thi, vận chuyển đều được tính đến. Do vậy sẽ hạn chế phần nào những sự bất lợi do ảnh hưởng của sự thay đổi giá nguyên vật liệu đầu vào đem lại.

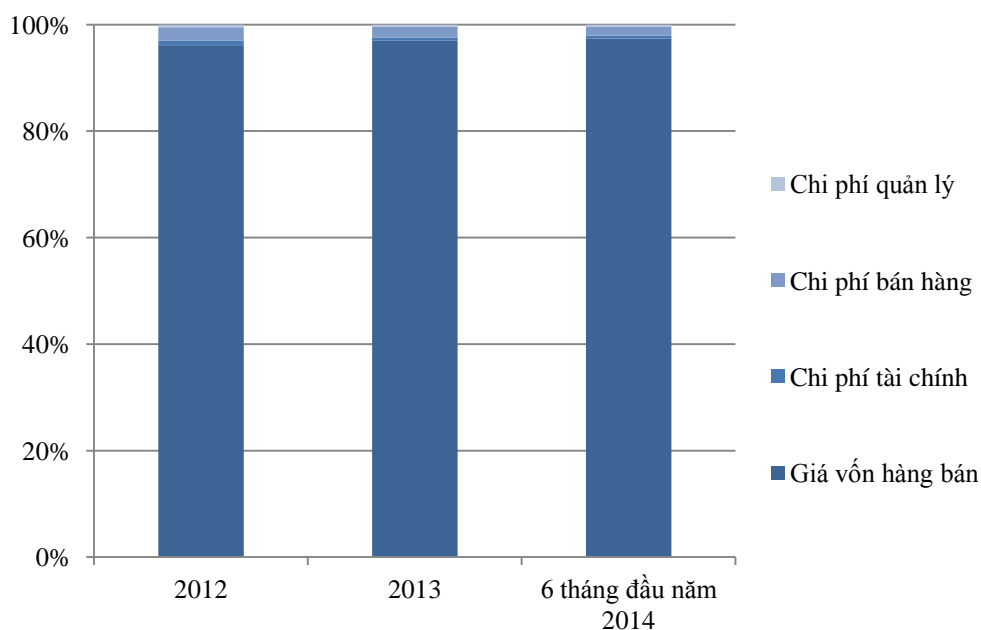
6.5. Chi phí sản xuất

Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	2.302.832	96,28%	1.861.569	95,96%	1.087.395	93,26%
Chi phí tài chính	20.297	0,85%	11.097	0,57%	6.605	0,57%
Chi phí bán hàng	59.583	2,49%	40.080	2,07%	18.270	1,57%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.409	0,52%	6.814	0,35%	4.446	0,38%
Tổng cộng	2.395.123	100,14%	1.919.560	98,95%	1.116.716	95,77%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Biểu 4: Cơ cấu chi phí của Công ty



Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, do đặc thù là Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại là chính, nên chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn, chiếm bình quân trên 90% doanh thu thuần hàng năm của Công ty.

Đáng chú ý, tỷ trọng chi phí giá vốn/tổng doanh thu thuần có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây, từ 96,28% năm 2012 xuống 95,96% trong năm 2013 và chỉ còn 93,26% trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 nhờ chi phí đầu vào giảm. Có điều này là do thời gian qua Công ty đã tập trung thương lượng và đàm phán giá cả nguồn cung đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống, đồng thời luôn tìm kiếm nguồn hàng mới với giá cạnh tranh; bên cạnh đó, việc đưa vào sử dụng nhà máy phân bón NPK và hoạt động kinh doanh kho ngoại quan với khả năng sinh lời cao đã giúp Công ty cải thiện được chi phí giá vốn so với những năm trước.

Chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý duy trì với mức tỷ trọng thấp trên tổng chi phí và có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây. Điều này thể hiện khả năng kiểm soát chi phí một cách hiệu quả của Công ty trong điều kiện kinh tế khó khăn. Các loại chi phí này giảm trong khi các khoản vay và nợ phải trả tăng, doanh thu tiêu thụ của Công ty không biến động lớn. Có điều này là do:

(1) lãi suất vay thực tế đã giảm dần qua các năm từ 2012 đến 2014 (cụ thể các mức lãi suất qua các năm: 2013 khoảng từ 12% – 13%, 2012 khoảng từ 10%-12%, 2014 khoảng từ 8%-9%). Mặt khác, dù số dư cuối kỳ (bản chất là số dư tại một thời điểm cụ thể, không phải liên tục và kéo dài) của khoản vay tăng dần, tuy nhiên giá trị và thời gian dư nợ của các khoản vay trong năm tài chính lại giảm. Do đó, chi phí tài chính giảm trong khi khoản vay (mà bản chất là số dư tại thời điểm cuối kỳ) tăng qua các năm.

(2) Chi phí bán hàng giảm dần là do thời gian này Công ty tập trung khai thác bán hàng cho khách hàng cũ, đồng thời bắt đầu từ năm 2013 Công ty đưa các kho ngoại quan vào hoạt động nên chi phí kho bãi đề xuất hàng giảm đáng kể so với năm 2012. Bên cạnh đó, cũng trong năm 2013, hầu hết các lô hàng lớn về đạ được Công ty mua trong nước mà không thực hiện nhập đạ từ Trung Quốc; các lô hàng này đều được xuất thẳng đi từ nhà máy của nhà cung cấp. Do đó, các chi phí vận chuyển bán hàng, thuê kho bãi, và các chi phí mua ngoài khác phục vụ việc bán hàng đã giảm theo tương ứng.

(3) Chi phí Quản lý, do tình hình kinh tế trở nên khó khăn, Công ty thực hiện quản lý chi phí một cách hiệu quả, thực hiện tiết kiệm chi phí, bán bớt xe oto, giảm chi phí tiền xăng xe, chi phí giao dịch, hạn chế chi phí đi lại tiếp khách,....

6.6. Trình độ công nghệ

Nhà máy NPK

- Công ty CP XNK Quảng Bình đã xây dựng thiết lập phòng KCS phân tích chất lượng các sản phẩm của nhà máy: lân chậm tan, NPK các chủng loại và phân tích nguyên liệu đầu vào: lân trắng, DAP, SA, Cao lanh, apatit, Urea, MAP, lân tươi, than.
- Các tiêu chuẩn áp dụng cho phân tích hiện nay:
 - TCVN 8557 : 2010 - Phân tích N tổng.
 - TCVN 5815 : 2001 - Phân tích Phốt pho.
 - TCVN 8562 : 2010 - Phân tích Kali tổng.
 - AOAC 980.02 - Phân tích lưu huỳnh.
- Công nghệ sản xuất NPK áp dụng trong dây chuyền máy móc là các dây chuyền công nghệ hiện đại tạo hạt bằng thùng quay hơi nước, hệ thống xử lý bụi tiên tiến bằng

phương pháp lọc bụi tay áo. Các động cơ và bộ giảm tốc được nhập khẩu từ các nước Châu Âu.

Bảng 8: Danh sách máy móc thiết bị tiêu biểu hiện có của Công ty

STT	Tên thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn lũy kế (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
1	Hệ thống băng tải VC	2012	254.545.500	63.636.372	190.909.128
2	Ổn áp Standa 60KVA	2013	33.636.364	7.941.924	25.694.440
3	Hệ thống băng tải NM	2013	39.133.000	3.261.084	35.871.916
4	Máy phát điện 125KVA	2013	109.090.909	10.909.092	98.181.817
5	Hệ thống Camera Nhà máy	2012	86.640.000	25.269.993	61.370.007
6	Hệ thống Camera kho Vật Cách	2012	39.085.500	9.771.372	29.314.128
7	Bơm chân không JP	2013	31.136.364	2.594.700	28.541.664
8	Lò nung	2013	65.454.545	5.454.546	59.999.999
9	Máy chung cất đạm bán tự động	2013	63.700.000	5.308.332	58.391.668
10	Trạm cân điện tử 100T NM	2014	538.637.091	13.465.926	525.171.165
11	Máy quang kế ngọn lửa	2013	132.760.000	11.063.334	121.696.666
12	Hệ thống bọc cách nhiệt ống sấy NM	2013	225.778.161	9.407.425	216.370.736

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Hình ảnh một số máy móc thiết bị tiêu biểu của Công ty



6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Phòng KCS



Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ

Hiện tại Công ty CP XNK Quảng Bình đang ký kết hợp đồng với Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol về việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cho 01 phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 với nội dung sau:

- Xem xét ban đầu
- Lập kế hoạch
- Cung cấp tài liệu
- Đào tạo, tập huấn về công nhận PTN theo ISO/IEC 17025:2005:
 - Nội dung của ISO/IEC 17025:2005
 - Xây dựng hệ thống tài liệu theo ISO/IEC 17025:2005
 - Xác nhận giá trị sử dụng phương pháp thử
 - Ước lượng độ không đảm bảo đo
 - Đánh giá chất lượng nội bộ.
- Hướng dẫn xây dựng hệ thống tài liệu quản lý Phòng thí nghiệm:
 - Sổ tay chất lượng
 - Hệ thống thủ tục
 - Phê duyệt phương pháp thử nghiệm (xác nhận giá trị sử dụng phương pháp thử)
 - Hệ thống hướng dẫn
 - Hệ thống biểu mẫu
 - Quy trình đánh giá độ không đảm bảo đo
 - Các quy trình kỹ thuật liên quan đến HTQL Phòng thí nghiệm
- Hướng dẫn triển khai áp dụng HTCL theo các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2005 tại phòng thí nghiệm.
- Các công việc khác:
 - Hướng dẫn đánh giá nội bộ HTQL PTN.
 - Hướng dẫn tổ chức cuộc họp xem xét của lãnh đạo
 - Hướng dẫn thủ tục xin công nhận: lập đơn, phiếu hỏi...
- Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình tư vấn.
- Đánh giá thử trước khi BoA đánh giá chính thức.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng vận hành tốt và có sự kiểm soát hiệu quả xuyên suốt quá trình sản xuất – kinh doanh, Công ty đã thành lập ban Quản lý chất lượng gồm các chuyên gia được đào tạo và chứng nhận ”chuyên gia đánh giá nội bộ” của Công ty. Bộ phận này hoạt động theo đúng quy trình đánh giá nội bộ dưới sự chỉ đạo của địa diện Ban lãnh đạo về đánh giá chất lượng định kỳ nhằm tối ưu hóa hệ thống và đảm bảo chất lượng hoạt động.

Bên cạnh đó, phòng KCS phối hợp với bộ phận sản xuất và phòng kế hoạch vật tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên vật liệu, bán thành phẩm đến thành phẩm trước, trong và sau quá trình sản xuất cung cấp dịch vụ, đảm bảo các sản phẩm hoàn thành đúng chất lượng đồng thời các sản phẩm không phù hợp được nhận biết, tránh sử dụng nhầm lẫn.

Trong hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đồng thời xây dựng quy trình theo dõi phản hồi của khách hàng và giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo lấy đó là những ý kiến đóng góp và định hướng cho hoạt động cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách hiệu quả nhất.

Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm

Toàn bộ quy trình sản xuất của Công ty đều được quy chuẩn hóa ngay từ đầu, mỗi công đoạn đều được đội ngũ giám sát kỹ thuật chất lượng bám sát theo quy trình sản xuất để kiểm soát kỹ thuật và có đánh giá phân loại bán thành phẩm theo đúng quy trình cụ thể.

6.8. Hoạt động Marketing

Trong định hướng và giải pháp cụ thể thực hiện kế hoạch của Công ty trong những năm tới, Công ty đã xác định hoạt động marketing là hoạt động quan trọng hàng đầu và phải được quan tâm thường xuyên. Với chiến lược phát triển bền vững, trong thời gian tới, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển thương hiệu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, để hình ảnh Công ty ngày một trở nên quen thuộc hơn với khách hàng và các đối tác.

Hiện tại, Công ty CP XNK Quảng Bình đang thực hiện quảng bá hình ảnh công ty qua các kênh và các hoạt động như sau:

- Trang web điện tử của công ty: www.quangbinhjsc.com.vn
- Thành viên vàng (**Gold Supplier**) trên trang công cụ tìm kiếm sản phẩm và giới thiệu doanh nghiệp toàn thế giới: www.alibaba.com
- Đăng ký quảng cáo hình ảnh và thương hiệu công ty trên một số trang web điện tử trong nước:
- Tham gia triển lãm gian hàng tại các hội chợ về nông sản và phân bón: Hội chợ Nông nghiệp Agro Việt....
- Tham gia các chương trình giải thưởng “Vì sự phát triển cộng đồng ASEAN”, “Nhà Quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới”, “Thương hiệu nổi tiếng ASEAN Việt Nam – Lào – Campuchia năm 2013”....
- Ngoài ra, Công ty CP XNK Quảng Bình còn có các hoạt động song song nghiên cứu, phát triển thị trường và quảng bá hình ảnh công ty:
- Cùng đại lý phân phối sản phẩm phân bón NPK tổ chức các chương trình hội thảo giới thiệu với bà con nông dân sản phẩm NPK Đình Vũ và phát sản phẩm khuyến mãi tại các vùng miền phía Bắc: Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Phú Thọ....

- Tổ chức cho nhân viên phòng kinh doanh đi khảo sát tại các cơ sở sản xuất NPK để giới thiệu các sản phẩm của công ty tại các tỉnh thành: Thái Bình, Nam Định, Hải Dương ..., quận huyện: Kiến Thụy, Vĩnh Bảo, An Lão, Tiên Lãng...

6.9. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Đăng ký logo: Logo Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 184957 ngày 15/05/2012 theo Quyết định số: 24521/QĐ-SHTT do Bộ khoa học và công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp.

Ý nghĩa logo: Logo tổng thể bao gồm: một hình tam giác cách điệu, màu xanh nước biển; bên trong là chữ “QB” cách điệu, màu đỏ, hai bên có hai đường thẳng song song, màu trắng và góc phía dưới được tạo thành bởi hai mũi tên ghép lại. Tất cả được đặt trên nền màu trắng.

Logo công ty có chữ QB nổi bật màu đỏ, là viết tắt của tên Công ty CP XNK Quảng Bình, cùng mũi tên bên dưới là biểu tượng của mỏ neo, tượng trưng cho thể mạnh vận tải biển, xuất nhập khẩu của Thành phố Cảng Hải Phòng. Hai hình tam giác hai bên, ý nghĩa cho hai cánh bay lên, tượng trưng cho sự phát triển bền vững đi lên của công ty, dựa trên sự nỗ lực cố gắng bền bỉ của toàn thể cán bộ công nhân viên chức Công ty CP XNK Quảng Bình.

- Website của Công ty: www.quangbinhjsc.com.vn
- Nhận hiệu thương mại: NPK Đình Vũ, Lân Đình Vũ

6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Danh sách một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc ký kết

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Thời hạn	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (USD)
1	JEA3690	Sojitz	10/1/2013 - 2/9/2013	DAP Đình Vũ	3.091.170
2	QB-DFH/DVDAP01	Dongbu Farm Hannong	18/1/2013- 2/6/2013	DAP Đình Vũ	2.950.000
3	QB-IDG/DAP012013	JAE YOUNG	14/1/13 - 2/23/2013	DAP Đình Vũ	1.634.422
4	QB-IDG/DAP022013	JAE YOUNG	14/1/2013 - 18/2/2013	DAP Đình Vũ	1.725.900
5	QBEX.DVDAP042013	Agromate	6/2/2013 - 28/2/2013	DAP Đình Vũ	672.500
6	JEA3692	Sojitz	6/3/2013 - 30/04/2013	DAP Đình Vũ	3.000.060
7	QB-DW/DVDAP01	Daewoo	25/02/2013 - 30/4/2013	DAP Đình Vũ	1.417.680
8	QB-DW/DVDAP02	Daewoo	24/12/2013 - 9/1/2014	Ure Ninh Bình	2.728.758
9	621/37	Helm HK	29/1/2014 - 6/3/2014	DAP Đình Vũ	1.011.654
10	QBEX.DVDAP.072014	Daewoo	5/2/2014 - 05/03/2014	DAP Đình Vũ	2.577.030

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Thời hạn	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (USD)
11	QBEX.DVDAP022014	Dongbu	10/1/2014 - 21/3/2014	DAP Đình Vũ	6.368.000
12	JEA3697	Sojitz	23/1/2014 - 21/2/2014	DAP Đình Vũ	2.406.743
13	SG-PO-01759	Ameropa	14/2/2014 - 22/2/2014	DAP Đình Vũ	800.000
14	DAPP140301	Heartychem	27/2/2014 - 30/04/2014	DAP Đình Vũ	622.500
15	JEA3699	Sojitz	3/5/2014 - 8/4/2014	DAP Đình Vũ	2.555.981
16	QB-DW/DVDAP03	Daewoo	10/3/2014 - 19/03/2014	DAP Đình Vũ	174.143
17	QBEX.DVDAP.132014	Transmart	8/3/2014 - 4/4/2014	DAP Đình Vũ	139.425
18	QBEX.DVDAP.082014	ETG	19/2/2014 - 13/3/2014	DAP Đình Vũ	388.800
19	QBEX.DVDAP.142014	Agromate	17/4/2014 - 5/3/2014	DAP Đình Vũ	113.750
20	DAPP140301A	Heartychem	19/3/2014 - 24/4/2014	DAP Đình Vũ	222.500

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014
	Trị giá (VND)	Trị giá (VND)	Tăng trưởng (%)	Trị giá (VND)
Tổng giá trị tài sản	414.175.620.035	428.845.607.206	3,54%	831.030.709.018
Vốn chủ sở hữu	68.131.343.758	89.479.156.360	31,33%	393.605.252.912
Doanh thu thuần	2.391.847.774.181	1.939.946.255.474	-18,89%	1.165.997.372.370
Lợi nhuận thuần HĐKD	2.381.897.334	25.760.134.889	981,50%	51.837.735.418
Lợi nhuận khác	525.901.812	2.954.437.878	461,79%	(393.457.787)
Lợi nhuận trước thuế	2.907.799.146	28.714.572.767	887,50%	51.444.277.631
Lợi nhuận sau thuế	2.037.630.006	21.347.812.602	947,68%	40.126.096.552
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	376	3.812	913,83%	2.400
Tỷ suất LN/Vốn chủ sở hữu trung bình trong kỳ	4,15%	27,09%	552,77%	16,61%
Tỷ lệ LN trả cổ tức/ Tổng LN sau thuế	n/a	n/a	n/a	n/a

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Mặc dù Doanh thu giảm gần 19% trong năm 2012 - 2013, tuy nhiên lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh cũng như lợi nhuận sau thuế của Công ty lại tăng gần 10 lần trong cùng thời điểm. Tiếp theo đà phát triển đó, lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2014 đã tăng gần gấp đôi so với cả năm 2013, đạt mức hơn 40 tỷ đồng.

Có được điều này phần lớn là nhờ chiến lược quản lý các loại chi phí sản xuất kinh doanh (Giá vốn, Chi phí Tài chính, Chi phí Bán hàng, Chi phí Quản lý) một cách thực sự hiệu quả (*xem thêm tại mục 6.5 Chi phí sản xuất*), khiến tỷ trọng trên tổng Doanh thu thuần của các loại chi phí này giảm liên tục. Cụ thể qua các giai đoạn năm 2012, 2013 và 06 tháng 2014, tỷ lệ trên tổng Doanh thu thuần của các loại chi phí này giảm liên tục và tương ứng như sau: Giá vốn hàng bán giảm từ 96,28% xuống 95,96% và xuống còn 93,26%; Chi phí Tài chính giảm từ 0,85% xuống còn 0,57% và tiếp tục giữ 0,57%; Chi phí Bán hàng giảm từ 2,49% xuống còn 2,07% và còn 1,57%; Chi phí Quản lý giảm từ 0,52% xuống còn 0,35% và tăng không đáng kể lên 0,38%.

Khi các loại chi phí này giảm qua các năm sẽ làm tăng Lợi nhuận trước thuế của Công ty lên một lượng tương ứng, kéo Lợi nhuận sau thuế của Công ty cùng tăng lên với cùng tỷ lệ. Theo đó, khả năng sinh lời của Công ty được cải thiện đáng kể, mức lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2013 đạt 3.812 đồng/cổ phiếu, tăng 10 lần so với mức 376 đồng/cổ phiếu của năm 2012.

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2014, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình đạt doanh thu trên 1.165 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế trên 40 tỷ đồng, gần gấp 2 lần tổng lợi nhuận sau thuế cả năm 2013; lãi cơ bản trên cổ phiếu riêng 6 tháng đầu năm 2014 đạt 1.250 đồng/cổ phiếu. Có thể thấy các mảng kinh doanh mới cùng xu hướng hồi phục của nền kinh tế đã có những tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm 30/06/2014, tổng tài sản của Công ty tăng mạnh thêm hơn 400 tỷ đồng, tương đương mức tăng gần 94% so với cuối năm 2013 sau khi thực hiện tăng vốn từ 56 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Công ty có uy tín lớn trên thị trường sản xuất và kinh doanh phân bón nhờ chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất, giao hàng đúng thời hạn cùng các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo.
- Bên cạnh đó, nguồn cung ổn định, trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và mạng lưới khách hàng rộng lớn tại thị trường quốc tế cũng như nội địa là những lợi thế cạnh tranh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực, giúp Công ty duy trì đà tăng trưởng qua những năm khó khăn của nền kinh tế.
- Nhà cung cấp cũng chính là khách hàng của Quảng Bình: cung cấp Lưu huỳnh và Axít cho các Nhà máy sản xuất Phân bón, đồng thời lại tiếp tục phân phối và xuất khẩu Phân bón cho chính các Nhà máy này. Điều này tạo nên mối quan hệ chặt chẽ với nhà cung cấp và cũng chính là khách hàng của Công ty, mặt khác góp phần hỗ trợ lẫn nhau trong khi triển khai công việc kinh doanh.
- Hiện nay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu có một đội ngũ cán bộ nhân viên, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và đang từng bước được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Sự đoàn kết nhất trí, tâm huyết của Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cùng với việc tổ chức ổn định bộ máy quản lý điều hành của Công ty sẽ đảm bảo cho việc điều hành hoạt động hiệu quả và chủ động sáng tạo trong công việc.
- Đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan và cửa hàng miễn thuế, chính sách quản lý chặt chẽ của Chính phủ trong những năm gần đây đã tạo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính vững vàng như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Khó khăn

- Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang trong tình trạng khó khăn, thị trường phân bón, nông sản không ổn định, có dấu hiệu bão hòa. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh cao cùng xu hướng giảm giá phân bón của thị trường thế giới gây ảnh hưởng tới tình hình doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên với sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo, Công ty đã đạt mức tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận trong năm 2013, tạo tiền đề vững chắc cho những năm tiếp theo.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp trong ngành

Hiện nay mức độ cạnh tranh trên thị trường Phân bón và Hóa chất khá cao. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, thị trường đã có sự phân hóa rõ nét, theo đó các doanh nghiệp có quy mô và mạng lưới khách hàng lớn - ổn định chiếm phần lớn thị phần lớn trong ngành. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình là một Doanh nghiệp như thế:

- Công ty hiện đang là nhà xuất khẩu lớn hàng đầu về Phân DAP của cả nước (mang về khoảng 1/3 Doanh thu thuần và 1/4 Lợi nhuận gộp của Công ty). Tại Việt Nam, hiện mới chỉ có Công ty TNHH một thành viên DAP - VINACHEM (thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam, có trụ sở và nhà máy tại Hải Phòng) sản xuất phân DAP, và Quảng Bình là nhà phân phối và xuất khẩu chính của DAP – VINACHEM. Các loại Phân bón còn lại, Công ty cũng chiếm một phần đáng kể giúp mang về khoảng 1/3 Doanh thu thuần và 1/4 lợi nhuận gộp của Công ty.
- Đối với mảng sản xuất phân bón, theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, cả nước hiện có hàng trăm cơ sở sản xuất phân bón NPK với tổng công suất lên tới 3,7 triệu tấn /năm. Với nhà máy NPK mới đi vào hoạt động có công suất trên 55.000 tấn/năm, sản lượng sản xuất của Công ty hiện ở mức khá so với các doanh nghiệp trong ngành. Tận dụng lợi thế uy tín và khách hàng, và tiềm lực thế mạnh của mình, Công ty đang từng bước xây dựng và mở rộng những sản phẩm mang thương hiệu riêng nhằm nâng cao vị thế trên thị trường phân bón sản xuất;
- Về Lưu huỳnh, Quảng Bình hiện đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Lưu huỳnh tại Việt Nam: Là một trong 2 nhà Nhập khẩu duy nhất về Lưu huỳnh tại thị trường VN. Nhà nhập khẩu còn lại là một tổ chức nước ngoài. Trong nước gần như chưa có sản xuất, quy mô nhỏ lẻ chỉ đáp ứng chưa được 1% nhu cầu Lưu huỳnh trong nước;
- Về Axit Sulphuaric, Quảng Bình hiện cũng đang chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu và phân phối Axit (H_2SO_4) tại Việt Nam: Là một trong 2 nhà Nhập khẩu duy nhất về Axit tại thị trường VN. Nhà nhập khẩu còn lại là Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam (SBCC) – Công ty con của Tập đoàn Hóa chất. Trong nước mới sản xuất đáp ứng được 5% nhu cầu Axit Sulphuaric trong nước.

Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan, dù mới được đưa vào hoạt động trong năm 2013, Công ty đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường. Kho ngoại quan tại Cao Bằng

và Hải phòng với diện tích rộng, cơ sở vật chất tốt cùng vị trí thuận lợi gần cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng và Cảng Hải Phòng được đánh giá là có lợi thế cạnh tranh lớn, tạo thành một khu vực thông quan hàng xuất nhập khẩu kèm theo các dịch vụ giá trị gia tăng có quy mô, hiện đại và hiệu quả tại khu vực hoạt động. Với khả năng sinh lời cao và hoạt động ổn định, dự kiến Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng mảng kinh doanh kho ngoại quan trong những năm tới.

Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản hiện vẫn chiếm tỷ trọng thấp trên tổng doanh thu, lợi nhuận của Công ty, do đó quy mô vẫn ở mức nhỏ so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.

b. Triển vọng phát triển ngành

Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón

- Doanh thu từ xuất khẩu được dự báo sẽ tiếp tục đóng góp nhiều hơn vào tổng doanh thu của toàn ngành Phân bón. Nhờ vị trí địa lý thuận lợi khi không chỉ nằm ở trung tâm Đông Nam Á mà còn được bao quanh bởi biển, Việt Nam được đánh giá là có nhiều lợi thế thương mại khi xuất khẩu phân bón sang các quốc gia khác trong vùng như Mi-an-ma, Thái Lan, Campuchia, Philippines, ... Chi phí vận chuyển hàng hóa thấp cũng như nhu cầu phong phú từ các nước châu Á hứa hẹn tăng trưởng doanh thu mạnh cho ngành phân bón Việt Nam. Hiện nay, các hoạt động xuất khẩu chiếm dưới 5% tổng doanh thu của toàn ngành, song dự tính sẽ tăng lên và đạt từ 10% đến 15% trong những năm tiếp theo.

Với Doanh thu xuất khẩu Phân bón chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh Phân bón (*chiếm đến 81% năm 2012 và 76% năm 2013*), triển vọng về tăng trưởng doanh thu mảng kinh doanh Phân bón nói riêng và Doanh thu của Công ty nói chung là rất lớn.

- Mặt khác, đối với thị trường trong nước, Việt Nam là một nước nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân hàng năm khoảng 4%. Nhu cầu phân bón cho sản xuất nông nghiệp là rất lớn nhưng ngành công nghiệp phân bón trong nước chỉ mới đáp ứng được 60% tổng mức nhu cầu tiêu thụ. Do đó, thị trường phân bón còn nhiều thị phần để các doanh nghiệp trong ngành phát triển.
- Về nguồn cung, do rào cản gia nhập thấp, nhiều doanh nghiệp nhỏ chỉ mua nguyên liệu về pha trộn theo công thức rồi đưa ra thị trường, cùng với sự lưu hành rộng rãi của các sản phẩm phân bón giá rẻ nhập từ Trung Quốc, tạo nên sự cạnh tranh căng thẳng tại phân khúc giá thấp. Trong khi đó, những doanh nghiệp với quy mô sản xuất tầm cỡ, mạng lưới khách hàng lớn vẫn tạo được lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường.

Lĩnh vực Kinh doanh Hóa chất

Lưu huỳnh thường không được sử dụng trực tiếp như sản phẩm mà phần lớn được dùng làm nguyên liệu để sản xuất axit sunphuric. Nông nghiệp là lĩnh vực sử dụng lưu huỳnh hàng đầu, chủ yếu ở dạng axit sunphuric - đây là chất trung gian cơ bản để sản xuất axit photphoric, phân đạm, phân lân, thuốc bảo vệ thực vật cũng như các sản phẩm nông hóa khác. Trên 50% sản lượng lưu huỳnh trên thế giới được sử dụng cho sản xuất phân bón và con số này có thể tăng khi nhu cầu phân bón tăng.

Axit sunfuric là một trong những hóa chất công nghiệp được sử dụng rộng rãi nhất, chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất phân lân, chế biến các nhiên liệu lỏng, tổng hợp hữu cơ, sản xuất thuốc nhuộm, dùng trong công nghiệp luyện kim, mạ điện, ... Trong đó, sản xuất phân lân chiếm trên 50% tổng sản lượng tiêu thụ axit sunfuric.

Bên cạnh việc nhập trực tiếp axit sunfuric, các doanh nghiệp còn nhập lưu huỳnh để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Lưu huỳnh ở Việt Nam vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường nhập khẩu. Cùng với nhu cầu ngày càng tăng của phân bón và các ngành công nghiệp khác, nhu cầu tiêu thụ lưu huỳnh và axit sunfuric dự kiến tăng trong thời gian tới.

Triển vọng trong 2 năm tới, Quảng Bình dự kiến có thể sẽ tăng ít nhất gấp 2 lần Doanh thu và Lợi nhuận về mảng nhập khẩu và phân phối Hóa chất (Luru huỳnh, Axít). Bởi đây là nguồn nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất Phân bón DAP, Phân Lân, ... với kế hoạch ngành rất rõ ràng trong tương lai gần, cụ thể:

- Đến 2015, DAP Lào Cai bắt đầu đi vào hoạt động, và theo kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ hết năm 2015 sẽ có thêm 1 nhà máy DAP nữa hoặc sẽ nâng gấp đôi công suất của DAP Đình Vũ (DAP 1).
- Sản xuất Lân nung chảy hiện tại vào khoảng 600.000 tấn/năm bao gồm nhà máy Văn Điển và nhà máy Ninh Bình. Dự kiến tương lai gần sẽ có thêm khoảng 500.000 tấn/năm của 3 nhà máy mới (Lào Cai, Thanh Hóa,...)

Đây cũng là mảng có biên lợi nhuận cao nhất (bình quân khoảng 18%) và dự kiến sẽ đem lại khoảng hơn 50% LN gộp của Công ty trong những năm tới.

Lĩnh vực hoạt động khác

Đối với hoạt động Thương mại xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm,... Chính sách tiền tệ hiệu quả, tỷ giá ổn định cùng với nền kinh tế đang trên đà hồi phục đã tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Đáng chú ý, giai đoạn 2014 - 2015 được kỳ vọng sẽ có những cơ hội mới cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại – xuất nhập khẩu nhờ những chính sách mở cửa theo lộ trình gia nhập WTO và khả năng tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Đối với hoạt động kinh doanh kho ngoại quan: Đây là hoạt động dịch vụ hỗ trợ, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự phát triển của lĩnh vực thương mại – xuất nhập khẩu. Tiềm năng phát triển của hoạt động kinh doanh kho ngoại quan mang lại tỷ suất lợi nhuận cao. Những quy định gần đây của Bộ Tài Chính về điều kiện và yêu cầu khắt khe đối với các doanh nghiệp kinh doanh mảng dịch vụ này phần nào mang lại lợi thế lớn đối với Công ty CP XNK Quảng Bình nhờ lợi thế tiềm lực tài chính. Bên cạnh đó, các kho ngoại quan quy mô lớn đặt tại các cửa khẩu chiến lược giúp tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty trong lĩnh vực này.

c. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Nhu cầu tiêu thụ phân bón hàng năm tại Việt Nam khoảng 9-10 triệu tấn. Tuy nhiên, thị trường phân bón Việt Nam hiện nay vẫn phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu. Sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng được 50%-60% nhu cầu. Những doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, ứng dụng công nghệ tốt hơn và đa dạng hoá được nguồn nguyên liệu sẽ có lợi thế cạnh tranh rất lớn trong thời điểm khó khăn hiện nay cũng như trong dài hạn.

Nắm bắt được nhu cầu của thị trường, ban lãnh đạo Công ty đã có những định hướng phát triển phù hợp với tình hình thị trường. Công ty hiện đã đưa nhà máy sản xuất phân NPK tại Hải Phòng vào hoạt động từ tháng 9/2013 với tổng mức đầu tư vào khoảng 72 tỷ đồng, công suất đạt 55.000 tấn/năm. Với mạng lưới khách hàng rộng lớn và tiềm lực tài chính ổn định, Công ty CP XNK Quảng Bình có chi phí sản xuất thấp và ít biến động.

Trong năm 2013, Nhà nước đã ban hành một số văn bản hướng dẫn, quy định về việc quản lý trong lĩnh vực hải quan, phân bón như Thông tư 128/2013/TT-BTC, Nghị định 202/2013/NĐ-CP. Theo đó, Nhà nước chủ trương thắt chặt các yêu cầu đối với doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực này nhằm hạn chế việc thành lập tràn lan các kho ngoại quan, cơ sở sản xuất phân bón; qua đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tiềm lực vững mạnh và định hướng phát triển rõ ràng. Với lợi thế Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành, Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã nhanh chóng bắt kịp xu thế, bám sát với các chính sách – chủ trương của Nhà nước. Kể từ khi thành lập, Công ty đã từng bước tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính và chuẩn hóa quy

trình sản xuất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ với mục tiêu mở rộng quy mô hoạt động, phát triển từng mảng kinh doanh hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành một chuỗi giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 30/06/2014, tổng số lao động trong Công ty là 110 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau.

Bảng 11: Tình hình lao động trong Công ty tính đến ngày 30/06/2014

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	
▪ Nam	81
▪ Nữ	29
Phân theo trình độ học vấn	
▪ Trình độ đại học và trên đại học	47
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	14
▪ Đối tượng khác	49
Tổng số Cán bộ công nhân viên	110

Nguồn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khởi thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

Các tổ chức quần chúng được tạo điều kiện hoạt động và nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau đối với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

Bảng 12: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Mức lương bình quân (VND/người/tháng)	6.000.000	6.500.000

Nguồn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng ngành. Mức lương bình quân tăng từ mức 6.000.000 đồng/người/tháng trong năm 2012 lên 6.500.000 đồng/người/tháng trong năm 2013.

c. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ, kinh nghiệm và ý thức trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập.

Công ty có chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao dành cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện mô hình trả cổ tức cổ phần thặng dư, theo đó lợi nhuận dành trả cổ tức của Công ty là phần còn lại sau khi dành đủ lợi nhuận cho nhu cầu tái đầu tư, trả nợ, phát triển...

- Năm 2012, 2013, Công ty không thực hiện trả cổ tức nhằm tập trung vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư, mở rộng dây chuyền sản xuất.

- Để đảm bảo quyền lợi đối với cổ đông, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014 là 20% bằng cổ phiếu.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Quy định pháp lý liên quan.

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 15 năm
Máy móc thiết bị	05 – 06 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
Tài sản cố định khác	02 – 03 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Mức lương bình quân

Bảng 14: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Mức lương bình quân (đồng/ người/ tháng)	6.000.000	6.500.000

Nguồn: Công ty CP XNK Quảng Bình

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng ngành. Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên trong Công ty năm 2013 tăng lên 6.500.000 đồng/người/tháng từ mức 6.000.000 đồng/người/tháng của năm 2012.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 30/06/2014 Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 15: Tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
----------	------------	------------	------------

	(VND)	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng	825.842.428	1.444.656.691	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	745.343.172	7.310.770.486	12.578.230.612
Thuế thu nhập cá nhân	303.758.863	384.881	-
Tổng cộng	1.874.944.463	8.755.812.058	12.578.230.612

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

(*) Trong kỳ hoàn thuế GTGT Quý 1/2014, theo các Quyết định của cơ quan thuế, Công ty có khoản bù trừ giữa thuế GTGT đầu vào được hoàn và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 5.050.720.953 đồng.

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, việc phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó có việc trích lập các quỹ) trong công ty cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật (pháp luật chuyên ngành), điều lệ của công ty cổ phần và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc trích lập các quỹ đối với Công ty là thuộc quyền của Cổ đông Công ty. Do vậy trong những năm qua, trong quyền hạn của mình thông qua Điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông Công ty đã không thực hiện việc trích lập các quỹ nhằm tự chủ và linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn lợi nhuận chưa phân phối vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Tổng dư nợ vay

Bảng 16: Tình hình dư nợ vay

Đối tượng cho vay	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
1. Vay và nợ ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Phòng	-	19.987.500.000	-	80 tỷ đồng	Lãi suất cho vay được tính bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB cộng biên độ sinh lời, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.	- Bất động sản tại Đội 1 xã Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng theo giấy chứng nhận số BL 184255; - Tài sản hình thành từ vốn vay; - Quyền đòi nợ của một số khách hàng trong nước.
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức	73.414.505.000	28.000.000.000	39.627.453.777	300 tỷ đồng	Lãi vay được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể;	-Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Thanh Hương số BG298225 do

						<p>UBND Thủy Nguyên cấp ngày 07/03/2012;</p> <p>-Giá trị quyền sử dụng đất,quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Bùi Ngọc Kiên số BA948976 do UBND Hồng Bàng cấp ngày 01/07/2011;</p> <p>- Các hợp đồng tiền gửi mà Công ty là người sở hữu hoặc do bên thứ 3 bảo lãnh.</p>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Nội	-	52.706.957.593	-	700 tỷ đồng	Lãi suất do 2 bên thỏa thuận, không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Techcombank tại từng thời kỳ và được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ theo mỗi lần rút vốn vay;	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản; bảo lãnh của bên thứ 3 và các biện pháp đảm bảo khác theo thỏa thuận.
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng	30.772.896.000	-	-		Lãi vay được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể;	<p>-Giá trị quyền sử dụng đất,quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại đội 3 xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng của ông Nguyễn Văn Hòa và bà Bùi Thị Nga số AE141069 do UBND Thủy Nguyên cấp ngày 13/04/2006;</p> <p>- Tài sản hình thành từ vốn vay;</p> <p>- Quyền đòi nợ của một số khách hàng trong nước.</p>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	82.296.124.792	11.791.790.497	300 tỷ đồng	Lãi suất được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ;	Khoản vay được đảm bảo bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay; các quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai; các biện pháp đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Công ty và Ngân hàng.
Ngân hàng TMCP ANZ Việt Nam	4.258.205.728	-				

Vay nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	250.000.000	-	-		n/a	n/a
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	660.000.000	851.000.000	168.000.000		n/a	n/a
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồng Bàng	216.000.000	-	-		n/a	n/a
2. Vay và Nợ dài hạn						
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hồng Bàng	256.000.000	-	-		n/a	n/a
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Phòng	515.000.000	589.000.000	589.000.000	1,009 tỷ đồng	Lãi suất vay được tính bằng chi phí giá vốn của VIB tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất cộng biên độ, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Pháp luật;	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Tình hình nợ vay của Công ty trong thời gian qua tương đối ổn định về cơ cấu vay ngắn hạn và dài hạn, trong đó phần lớn là vay ngắn hạn chiếm bình quân khoảng hơn 99%. Có điều này là do đặc thù về hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thương mại với vòng quay ngắn hạn của vốn lưu động, nên Công ty có nhu cầu vay vốn ngắn hạn là chủ yếu.

Số dư vay ngắn hạn tại các thời điểm cuối kỳ báo cáo có biến động tùy thuộc vào việc cân đối dòng tiền vốn lưu động tại các thời điểm (về nhu cầu vốn, về tiền phải thu phải trả,...) cùng với việc thanh toán nợ vay của Công ty tại các thời điểm đó. Số dư vay ngắn hạn của Công ty tại các thời điểm báo cáo ở trên có sự biến động phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại Công ty.

Đối với khoản vay của Công ty với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đô còn số dư hơn 39 tỷ tại ngày 30/06/2014: nhằm hỗ trợ Công ty bổ sung một phần giá trị và tính đảm bảo cho khoản vay của Công ty, lãnh đạo Công ty đã dùng tài sản cá nhân của mình (ông Nguyễn Thanh Bình, bà Nguyễn Thị Thanh Hương) và người thân (ông Bùi Ngọc

Kiên) để bổ sung vào một phần tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hạn mức trên. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã có nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 10 năm 2013 chấp thuận việc dùng tài sản của các đối tượng trên làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 17: Khoản phải thu

Nội dung	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)
Phải thu khách hàng	22.692.321.890	127.127.585.885	312.984.063.110
Trả trước cho người bán	44.853.500.888	88.774.118.678	32.646.274.894
Các khoản phải thu khác	4.399.614.877	7.503.239.094	4.142.531.313
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.466.941.000)	(2.919.441.500)	(3.247.684.545)
Tổng cộng	68.478.496.655	220.485.502.157	346.525.184.772

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Nhìn chung các khoản phải thu tăng liên tục trong thời gian qua, trong đó chủ yếu là khoản Phải thu khách hàng và Trả trước cho người bán tăng, các khoản phải thu khác có biến động giá trị không lớn. Cụ thể, tại thời điểm 31/12/2013, các khoản phải thu khách hàng tăng thêm 105 tỷ đồng với tỷ lệ tăng là 460% so với cùng kỳ năm 2012. Tương tự, đến hết ngày 30/06/2014, khoản phải thu khách hàng tiếp tục tăng từ 127 tỷ đồng lên trên 312 tỷ đồng, với mức tăng 146%.

Có điều này là do giá Phân bón và giá Hóa chất (lưu huỳnh và Axit sulfuric) trong nước và quốc tế đã giảm tương đối mạnh trong năm 2013, mặt khác do khó khăn chung của nền kinh tế của thời gian này; nên để thúc đẩy thương mại, luân chuyển hàng hóa nhanh chóng, Công ty đã thực hiện các chính sách công nợ linh hoạt như: gia hạn nợ cho khách hàng, bán hàng với kỳ thu tiền dài hơn,... và trả trước cho người bán hàng nhiều hơn,... Do đó, trong khi Doanh thu không có biến động mạnh nhưng các khoản phải thu đã tăng mạnh trong năm 2013 và 06 tháng năm 2014.

Các khoản phải trả

Bảng 18: Khoản phải trả

Nội dung	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)
Nợ ngắn hạn	345.273.276.277	338.777.450.846	436.836.456.106
Vay và nợ ngắn hạn	109.571.606.728	183.841.582.385	51.587.244.274
Phải trả cho người bán	229.011.678.291	118.799.629.514	369.103.832.830
Người mua trả tiền trước	4.102.427.000	12.213.295.120	3.387.003.718

Nội dung	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.874.944.463	8.755.812.058	12.578.230.612
Chi phí phải trả	712.557.795	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	62.000	15.167.131.769	180.144.672
Nợ dài hạn	771.000.000	589.000.000	589.000.000
Vay và nợ dài hạn	771.000.000	589.000.000	589.000.000
Tổng Cộng Nợ phải trả	346.044.276.277	339.366.450.846	437.425.456.106

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Nhìn chung, Nợ phải trả của Công ty qua các năm có cơ cấu tương đối ổn định, do đặc thù của hoạt động thương mại nên Nợ ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng chủ yếu gần 100% Nợ phải trả của Công ty. Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong Nợ ngắn hạn là Vay và nợ ngắn hạn và Phải trả cho người bán.

- Đối với các khoản Vay và nợ ngắn hạn: Các khoản vay và nợ ngắn hạn được chi chủ yếu cho việc trả tiền mua hàng hóa thương mại cho người bán. Do đặc thù lĩnh vực thương mại kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, Công ty chủ yếu sử dụng vốn vay trong 3 – 4 tháng để thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, sau đó hoàn trả đầy đủ các khoản vay khi đã nhận đủ tiền theo hợp đồng từ khách hàng

Theo đó, đến ngày 31/12/2013, vay và nợ ngắn hạn tăng mạnh từ mức 109 tỷ đồng của cùng kỳ năm 2012 lên 183 tỷ đồng, tương đương mức tăng là 67,78%. Tiền vay này phần lớn được Công ty thực hiện chi trả tiền mua hàng hóa cho người bán, làm giảm các khoản phải trả người bán từ mức 229 tỷ đồng của năm 2012 xuống còn 118 tỷ đồng trong năm 2013, tương đương với mức giảm 48,13%.

Tương tự, đến hết ngày 30/06/2014, các khoản vay và nợ ngắn hạn của Công ty giảm 72% so với cuối năm 2013, do nguồn tiền được ưu tiên trả cho các khoản vay đã đến kỳ, mặt khác các khoản phải trả cho người bán hầu như chưa đến hạn thanh toán hoặc được gia hạn thêm; nên tại thời điểm 30/06/2014, các khoản phải trả người bán tăng đạt 369 tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 212% so với tại thời điểm cuối năm 2013.

- Chỉ tiêu người mua trả tiền trước biến động chủ yếu do ở các thời điểm cuối kỳ, Công ty nhập nhiều lô hàng theo các hợp đồng lớn, khách hàng trả trước một phần theo hợp đồng, hoặc đối với hàng giao nhiều lần, khách hàng thanh toán trước. Theo đó, cuối năm 2013, Công ty có một số khoản trả trước khá lớn nên làm tăng tương ứng lên 198% so với thời điểm cuối năm 2012. Đến thời điểm 30/06/2014, sau khi đã giao hàng và đã trả tiền trước tại thời điểm cuối năm 2013, chỉ còn có một số khoản trả trước, nên khoản mục này giảm chỉ còn hơn 3,3 tỷ đồng.
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng mạnh từ mức 1,8 tỷ đồng của năm 2012 lên mức 8,7 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2013 và đạt mức 12,5 tỷ tại ngày 30/06/2014. Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước thời gian vừa qua chủ yếu là Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty. Do Lợi nhuận trước thuế tăng liên tục trong giai đoạn vừa qua, theo đó Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cũng tăng một cách tương ứng và khiến Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng gia tăng theo.

- Các khoản phải trả, phải nộp khác tăng trên 15 tỷ đồng trong năm 2013 do Công ty có các khoản vay mượn tạm thời từ cá nhân một thành viên Hội đồng quản trị nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đồng thời giảm áp lực chi phí lãi vay. Trong quý 2/2014, Công ty đã thanh toán khoản này, dẫn đến khoản phải trả trong kỳ giảm gần hết còn 180 triệu đồng.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,10	1,08	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,47	0,77	1,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	83,55%	79,13%	52,64%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	507,91%	379,27%	111,13%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	12,06	11,57	15,33
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	5,78	4,52	1,40
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,09%	1,10%	3,44%
ROE (Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu trung bình trong kỳ báo cáo)	%	4,15%	27,09%	16,61%
ROA (Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)	%	0,49%	4,98%	4,83%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,10%	1,33%	4,45%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

- Về khả năng thanh toán:
 - + Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn) là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Chỉ số này được duy trì ở mức khá tốt (trên 01 lần) qua các năm và đến Quý 1/2014 đạt mức 1,12 lần.
 - + Hệ số thanh toán nhanh ($\{TSLĐ - \text{Hàng tồn kho}\} / \text{Nợ ngắn hạn}$) có xu hướng được cải thiện dần qua các năm nhờ việc giảm hàng tồn kho, bảo đảm khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Cụ thể, hệ số thanh toán nhanh của Công ty được đánh giá là ở

mức thấp (dưới 01 lần) trong giai đoạn năm 2012 – 2013, tuy nhiên đã có sự cải thiện đáng kể trong 6 tháng đầu năm 2014 nhờ Công ty ký được một số hợp đồng lớn, đẩy mạnh bán hàng tồn. Tại thời điểm 30/06/2014, hệ số thanh toán nhanh của Công ty đã đạt mức 1,18 lần. Đây được đánh giá là hệ số khá an toàn (trên 01 lần) và tương đương với mức trung bình của một số doanh nghiệp trong lĩnh vực phân bón hiện nay như: VAFCO, Phân lân Ninh Bình ...

- *Về cơ cấu vốn:* Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty giảm dần từ mức 83,55% của năm 2012 xuống còn 52,64% tại thời điểm 30/06/2014. Đây là tỷ lệ dư nợ trung bình so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực. Đáng chú ý, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2012, 2013 lần lượt ở mức 507,91% và 379,27%. Sau khi Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng vào cuối tháng 4/2014, hệ số này giảm mạnh xuống còn 111,13%.
- *Về khả năng sinh lời:* Năm 2013 đánh dấu một bước nhảy vọt về khả năng sinh lời của Công ty nhờ công tác nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và kiểm soát chặt chẽ giá bán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào. Việc đưa vào sử dụng nhà máy NPK giúp công ty chủ động được nguồn cung phân bón thành phẩm, bên cạnh đó, mảng kinh doanh kho ngoại quan với tỷ suất lợi nhuận cao được kỳ vọng sẽ tiếp tục nâng cao khả năng sinh lời của Công ty trong thời gian tới.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng mạnh từ mức 0,09% của năm 2012 lên mức 1,10% của năm 2013 và đạt tới 3,44% riêng trong 6 tháng đầu năm 2014 nhờ Công ty thực hiện kiểm soát chi phí một cách hiệu quả. Các chỉ tiêu ROE, ROA lần lượt đạt mức 2,99% và 0,49% trong năm 2012; tăng lên 23,86% và 4,98% trong năm 2013; đạt 16,61% và 4,83% sau 6 tháng đầu năm 2014.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 20: Danh sách HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)	
			Đại diện	Cá nhân
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch		3.200.000
2	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên		15.000
3	Bùi Thị Ngọc	Thành viên		13.000
4	Nguyễn Văn Khoái	Thành viên		1.000.000
5	Phạm Sĩ Thạc	Thành viên		13.000
Ban Kiểm soát				
1	Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát		3.000
2	Vũ Hồng Nhung	Thành viên BKS		1.500
3	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS		5.000
Ban Giám đốc				
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc		3.200.000

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)	
			Đại diện	Cá nhân
Kế toán trưởng				
1	Bùi Thị Ngọc	Kế toán trưởng		13.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Số lượng Cổ phiếu chốt tại ngày 25/06/2014)

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

a. Nguyễn Thị Thanh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1977
- Nơi sinh : Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 031008939
- Ngày cấp : 30/7/2003 Nơi cấp: Công An Tp. Hải Phòng
- Quê quán : Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Điện thoại : 031 626 3333
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
+ Từ 1999 đến năm 2006	Nhân viên Kinh doanh – Công ty CP XNK Hảo Mỹ
+ Từ 2007 đến 30/03/2014	Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình
+ Từ 01/04/2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP XNK Quảng Bình
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 3.200.000 cổ phần, chiếm 10,00% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 3.200.000 cổ phần (tương ứng 10,00% vốn điều lệ).

- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
Ông Nguyễn Văn Khoái Mối quan hệ: Bố	1.000.000 cổ phần (tương ứng 3,125% vốn điều lệ)
Bà Trần Thị Mỹ Mối quan hệ: Mẹ	500.000 cổ phần (tương ứng 1,5625% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Thanh Bình Mối quan hệ: Chồng	3.200.000 cổ phần (tương ứng 10% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Văn Phương Mối quan hệ: Em trai	500.000 cổ phần (tương ứng 1,5625% vốn điều lệ)
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng Mối quan hệ: Em gái	2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Anh Huy Mối quan hệ: Em trai	2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)

Thông tin giao dịch có liên quan

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 12/05/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình với Ông Nguyễn Thanh Bình và vợ là Bà Nguyễn Thị Thanh Hương để xây dựng Nhà máy sản xuất viên gỗ ép xuất khẩu tại khu vực Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Thời hạn hợp tác đầu tư là 20 năm với tổng mức đầu tư theo dự toán là 46,6 tỷ đồng, trong đó Công ty góp vốn 39,6 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 85%), Ông Nguyễn Thanh Bình và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương góp vốn bằng toàn bộ trị giá tài sản đầu tư trên diện tích 16.799 m² đất tại địa chỉ hợp tác bao gồm chi phí đền bù, san lấp mặt bằng với tổng giá trị đầu tư là 7 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 15%). Sau khi hoàn thiện việc xây dựng cơ sở vật chất, nhà máy đi vào hoạt động, mọi hạch toán sản xuất kinh doanh do Công ty đảm nhận, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất của cơ sở kinh doanh này sẽ được phân chia cho các bên căn cứ theo tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận kinh doanh sau thuế.

Ngày 11/03/2014 hai bên ký kết bổ sung Phụ lục hợp đồng. Theo đó, các bên tham gia thống nhất thay đổi tỷ lệ vốn góp: Ông Nguyễn Thanh Bình và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương sẽ tăng tỷ lệ góp vốn lên 65%, Công ty sẽ còn nắm giữ 35%. Cùng với sự thay đổi đó, cơ sở phân chia lợi nhuận là lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ cũng thay đổi là: Ông Nguyễn Thanh Bình và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương được phân chia 65%, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được phân chia 35% lợi nhuận sau thuế.

Đến thời điểm ngày 11/09/2014 vừa qua, do không thực hiện góp vốn như cam kết trong Phụ lục Hợp đồng. Nên các bên đã thống nhất Thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh và Phụ lục Hợp đồng đã ký. Hiện tại, các bên đang nghiên cứu và thống nhất phương án hợp tác kinh doanh khác phù hợp hơn với thực tế phát triển của Công ty cũng như khả năng của các bên tham gia.

Ngoài ra, trong kỳ, có một số giao dịch thỏa thuận giữa Công ty và cá nhân ông bà Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Thanh Hương; các giá trị giao dịch này chưa có định giá của bên thứ ba; trong đó nguyên tắc xác định giá được các bên căn cứ theo các giao dịch trên thị trường cùng với khả năng tạo ra lợi nhuận trong tương lai cho Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty mua lại dự án của ông Nguyễn Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Thanh Hương để làm Dự án xây dựng kho ngoại quan tại Lào Cai trị với tổng trị giá 24.937.500.000 đồng, theo Nghị quyết HĐQT số 03/2014/NQ/HĐQT ngày 19/03/2014. Dự án có tổng diện tích đất là 875 m² bao gồm các lô đất số 1483, 1486, 1487, 1488, 1489 tờ bản đồ số 02, tại Thôn Nậm Chủ, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chi phí mua đất và san lấp mặt bằng trị giá 10,5 tỷ đồng; chi phí tài sản trên đất bao gồm các hạng mục hàng rào, cổng, đường nội bộ, trạm xử lý nước thải, bể chứa hàng có trị giá 14.437.500.000 đồng.
- Công ty mua lại dự án của ông Nguyễn Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Thanh Hương để làm Dự án Trụ sở văn phòng trị giá 36.000.000.000 đồng, theo Nghị quyết HĐQT số 04/2014/NQ/HĐQT ngày 23/05/2014. Dự án có tổng diện tích đất là 182,74 m² tại Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng. Chi phí mua đất và san lấp mặt bằng trị giá 25,12 tỷ đồng; chi phí tài sản trên đất là tòa nhà văn phòng 07 tầng trị giá 10,88 tỷ đồng.
- Công ty có giao dịch mua lại dự án của bà Nguyễn Thị Thanh Hương để làm Dự án xây dựng kho nội địa II trị giá 25.146.000.000 đồng, theo Nghị quyết HĐQT số 02/2014/NQ/HĐQT ngày 15/03/2014. Dự án có tổng diện tích đất là 508 m² tại Số B3 lô 5 và B6 lô 2 Khu Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội. Chi phí mua đất và san lấp mặt bằng trị giá 25,146 tỷ đồng.

b. Nguyễn Văn Khoái – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/03/1951
- Nơi sinh : Phù , Kiến An, Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 030112013
- Ngày cấp : 27/06/2007 Nơi cấp: Công An Tp. Hải Phòng
- Quê quán : Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Số 93 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, QHồng Bàng, Tp. Hải Phòng
- Điện thoại : 031 626 3333
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
+ Từ 1972 đến 1986:	Bộ đội
+ Từ 1986 đến 2002:	Kinh doanh tự do
+ Từ 2003 đến nay:	Nhân viên tài chính tại Công ty CP X
+ Từ 04/2014 đến nay:	Nhân viên tài chính tại Công ty CP X Thành viên HĐQT CTCP XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Nhân viên tài chính tại Công ty CP XNK
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.000.000 cổ phần, chiếm 3,125% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 1.000.000 cổ phần (tương ứng 3.125% vốn điều lệ)
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Bà Nguyễn Thị Thanh Hương</i> <i>Mối quan hệ: Con</i>	<i>3.200.000 cổ phần (tương ứng 10% vốn điều lệ)</i>
<i>Bà Trần Thị Mỹ</i> <i>Mối quan hệ: Vợ</i>	<i>500.000 cổ phần (tương ứng 1,5625% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Văn Phương</i> <i>Mối quan hệ: Con trai</i>	<i>500.000 cổ phần (tương ứng 1,5625% vốn điều lệ)</i>
<i>Bà Nguyễn Thị Thu Hằng</i> <i>Mối quan hệ: Con gái</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Anh Huy</i> <i>Mối quan hệ: Con trai</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)</i>
<i>Bà Nguyễn Thị Lý</i> <i>Mối quan hệ: Em gái</i>	<i>100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)</i>

c. Nguyễn Mạnh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/12/1984
- Nơi sinh : Đăng Lâm, Hải An, Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 031231276
- Ngày cấp : 19/09/2012 Nơi cấp: Công An Tp. Hải Phòng
- Quê quán : Đăng Lâm, Hải An, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Kiêu Sơn, Đăng lâm, Hải An, Hải Phòng
- Điện thoại : 031 6263333
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ và Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian**Chức vụ**

+ Từ tháng 11/2009 đến tháng 04/2014	Giám đốc Kinh doanh Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ tháng 04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty CP XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh CTCP XNK Quảng Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 15.000 cổ phần, chiếm 0,0469% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần (tương ứng 0,0469% vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Bà Vũ Thị Quỳnh Trang</i> <i>Mối quan hệ: Vợ</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)</i>

d. Bùi Thị Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/04/1967
- Nơi sinh : Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 030739837
- Ngày cấp : 18/08/2003 Nơi cấp: Công An Tp. Hải Phòng
- Quê quán : Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Đường Dur Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Điện thoại : 031 6263333
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
+ Từ 3/1986 đến 12/2007:	Nhân viên Công ty CP XNK Súc sản Gia cầm HP
+ Từ 12/2007 đến 3/2011:	Kế toán trưởng Công ty CP XNK Súc sản Gia cầm HP
+ Từ 3/2011 đến 3/2012:	Kế toán nội bộ Công ty CP XNK Khoáng sản Miền Trung

+ Từ 4/2012 đến nay:	Kế toán trưởng tại Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 4/2014 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng tại Công ty CP XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng tại CTCP XNK Quảng Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 13.000 cổ phần, chiếm 0,041% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 13.000 cổ phần (tương ứng 0,041% vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Ông Trần Minh Thịnh Mối quan hệ: Chồng</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)</i>
<i>Bà Phi Thị Bích Mối quan hệ: Mẹ</i>	<i>100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Bùi Văn Minh Mối quan hệ: Anh trai</i>	<i>100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Phúc Thành Mối quan hệ: Con trai</i>	<i>100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)</i>

e. Phạm Sĩ Thạc - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/06/1984
- Nơi sinh : Quang Phục, Tiên Lãng, Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 031316637
- Ngày cấp : 28/05/2007 Nơi cấp: Công An Tp. Hải Phòng
- Quê quán : Quang Phục, Tiên Lãng, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Hy Tái - Hồng Thái - An Dương - Hải Phòng
- Điện thoại : 031 6263333
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân văn hóa du lịch
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
+ Từ 2/2011 đến 3/2014:	Chuyên viên xuất nhập khẩu Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 4/2014 đến Nay:	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng XNK tại Công ty CP XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng XNK tại CTCP XNK Quảng Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 13.000 cổ phần, chiếm 0,041% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 13.000 cổ phần (tương ứng 0,041% vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Bà Lương Thị Thu</i> <i>Mối quan hệ: Vợ</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)</i>

12.2. Ban Giám đốc

a. Nguyễn Thị Thanh Hương – Tổng Giám đốc (Như trên)

12.3. Ban Kiểm soát

a. Đặng Thị Phương Thảo – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 25/11/1986
- Nơi sinh : Phúc Am, Gia Khánh, Ninh Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 031325496
- Ngày cấp : 31/07/2007 Nơi cấp: CA. Hải Phòng
- Quê quán : Phúc Am, Gia Khánh, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 4/412 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại : 031 6263333
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
-----------	---------

+ Năm 2007 đến năm 2008	Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Hào Mỹ
+ Từ 2008 đến Nay	Nhân Viên Kinh Doanh tại CTCP XNK Quảng Bình
+ Từ 01/2012 đến Nay	Kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương
+ Từ 4/2014 đến Nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Nhân Viên Kinh Doanh kiêm Trưởng Ban kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 3.000 cổ phần, chiếm 0,0094% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm 0,0094% vốn điều lệ
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Ông Bùi Sỹ Mạnh</i> <i>Mối quan hệ: Chồng</i>	<i>2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)</i>

b. Nguyễn Thị Quỳnh Trang – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/08/1981
- Nơi sinh : 22/08/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 031198265
- Ngày cấp : 19/03/1999 Nơi cấp: CA. Hải Phòng
- Quê quán : Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Điện thoại : 031 6263333
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
-----------	---------

+ Từ 2003 đến 2006	Giáo viên tiếng Anh tại Trường THCS Tân Dương
+ Từ 2006 đến 2011	Phiên dịch tiếng Anh tại Công ty CP CN Tàu thủy An Đồng
+ Từ 2011 đến 4/2014	Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Kế toán xuất nhập khẩu tại Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 4/2014 đến nay	Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Thành viên ban kiểm soát tại Công ty CP XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm thành viên ban kiểm soát tại CTCP XNK Quảng Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5.000 cổ phần, chiếm 0,0156% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,0156% vốn điều lệ
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
<i>Ông Nguyễn Chí Long Mối quan hệ: Anh Trai</i>	<i>100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)</i>
<i>Ông Nguyễn Trí Hải Mối quan hệ: Em trai</i>	<i>100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)</i>

c. Vũ Hồng Nhung – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/07/1986
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 031465150
- Ngày cấp : 26/09/2003 Nơi cấp: CA. Hải Phòng
- Quê quán : Ngũ Đoan, Kiến Thụy, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Tổ dân phố Chẽ, phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng
- Điện thoại : 031 6263333
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
------------------	----------------

+ Từ 04/2010 đến 10/2012	Thư ký dự án Công ty TNHH Tư vấn quốc tế Raymond Woo & Henry Sng
+ Từ 10/2012 đến 4/2014	Nhân viên Hành Chính tại CTCP XNK Quảng Bình
+ Từ 4/2014 đến nay	Nhân Viên Hành Chính kiêm thành viên Ban kiểm soát và người công bố thông tin tại CTCP XNK Quảng Bình

- Chức vụ hiện nay: Nhân Viên Hành Chính kiêm thành viên Ban kiểm soát và người công bố thông tin tại CTCP XNK Quảng Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.500 cổ phần, chiếm 0,0047% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần, chiếm 0,0047% vốn điều lệ
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Người có liên quan	Số cổ phiếu nắm giữ
Ông Kiều Quý Đức Mối quan hệ: Chồng	2.000 cổ phần (tương ứng 0,0063% vốn điều lệ)
Bà Tạ Thị Lý Mối quan hệ: Mẹ	200 cổ phần (tương ứng 0,0006% vốn điều lệ)
Ông Vũ Hải Ninh Mối quan hệ: Em trai	100 cổ phần (tương ứng 0,0003% vốn điều lệ)

12.4. Kế toán trưởng

a. Bùi Thị Ngọc – Kế toán trưởng (Như trên)

13. Tài sản

Bảng 21: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2012

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	12.493.932.211	2.400.284.994	10.093.647.217
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.625.326.359	27.418.029	1.597.908.330
Máy móc thiết bị	304.581.864	20.013.735	284.568.129
Phương tiện vận tải	9.805.409.550	2.321.571.151	7.483.838.399
Thiết bị, dụng cụ quản lý	731.928.075	30.691.169	701.236.906
Tài sản cố định khác	26.686.363	590.910	26.095.453
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
Tài sản cố định vô hình	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

Bảng 22: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2013

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	31.705.943.863	3.798.244.203	27.907.699.660
Nhà cửa, vật kiến trúc	20.091.488.696	660.197.961	19.431.290.735
Máy móc thiết bị	436.405.773	66.655.806	369.749.967
Phương tiện vận tải	9.856.468.363	2.944.378.295	6.912.090.068
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.321.581.031	127.012.141	1.194.568.890
Tài sản cố định khác	-	-	-
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
Tài sản cố định vô hình	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

Bảng 23: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 30/06/2014

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	30.229.691.863	4.554.557.223	25.675.134.640
Nhà cửa, vật kiến trúc	20.091.488.696	1.543.036.875	18.548.451.821
Máy móc thiết bị	436.405.773	104.841.138	331.564.635
Phương tiện vận tải	8.343.996.363	2.705.522.474	5.638.473.889
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.321.581.031	127.012.141	1.156.644.295
Tài sản cố định khác	-	-	-
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
Tài sản cố định vô hình	0	0	0

Nguồn: BCTC Quý II/2014 của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

Bảng 24: Tình hình đất đai thuộc quyền sở hữu, sử dụng tại ngày 30/06/2014

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu - thuê	Mục đích sử dụng
1	Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	182,74m ²	Sở hữu	Trụ sở - văn phòng Công ty
2	Kho Vật Cách tại km9 đường 10 Quán Toan, Hải Phòng	11.087m ²	Thuê 10 năm	Kho ngoại quan
3	Xóm 6 Cống Chanh, huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng	20.000m ²	Thuê 20 năm	Mặt bằng sản xuất – nhà máy NPK
4	Khu KT Tà Lùng, huyện Phục Hòa, Cao Bằng tại Lô 52A – Khu Kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng	35.000m ²	Thuê 49 năm	Kho ngoại quan

5	Các lô đất số 1483, 1486, 1487, 1488, 1489 tờ bản đồ số 02, tại Thôn Nậm Chủ, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	875 m ²	Sở hữu	Kho ngoại quan
6	Số B3 lô 5 và B6 lô 2 Khu Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	508 m ²	Sở hữu	Kho nội địa II

Nguồn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

14.1. Định hướng phát triển của Công ty cho giai đoạn 2014 – 2015

Với định hướng trở thành doanh nghiệp thương mại hàng đầu tại Việt Nam về phân bón, hóa chất; đồng thời tận dụng thế mạnh về uy tín, mạng lưới khách hàng nhằm mở rộng sang các hoạt động kinh doanh mới, mang tính chất bổ trợ lẫn nhau; Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã đặt ra chiến lược phát triển kinh doanh trong năm 2014 - 2015 với nội dung như sau:

- Từng bước chuyển đổi cơ chế hoạt động, quản lý nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực quản lý của Công ty;
- Mở rộng mạng lưới khách hàng, đồng thời đẩy mạnh bán hàng đối với các khách hàng hiện có;
- Triển khai đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất Phân bón NPK sang giai đoạn 2, Xây dựng nhà máy sản xuất Lân;
- Quảng bá các sản phẩm Phân bón được sản xuất mang thương hiệu riêng của Công ty;
- Tìm kiếm những thị trường, sản phẩm dịch vụ mới với tiềm năng phát triển cao (đặc biệt đối với mảng dịch vụ kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế).

14.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm 2014-2015

Bảng 25: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2015

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	% tăng giảm so với năm 2013	Năm 2015	% tăng giảm so với năm 2014
1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	320	471%	384	20,00%
2	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3.000	54,64%	3.500	16,67%
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	80	275%	120	50,00%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	2,67%	-	3,43%	-
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	25,00%	-	31,25%	-
6	Cổ tức (% vốn điều lệ)	20%	-	25%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Kế hoạch của Công ty được xây dựng dựa trên tình hình hoạt động và triển khai các hợp đồng đang thực hiện, sẽ thực hiện và tiềm năng phát triển ngành trong tương lai; cụ thể như sau:

Bảng 26: Căn cứ để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2015

TT	Hoạt động	Giá trị dự kiến ghi nhận doanh thu – lợi nhuận			
		Năm 2014		Năm 2015	
		Doanh thu (triệu VND)	Lợi nhuận gộp (triệu VND)	Doanh thu (triệu VND)	Lợi nhuận gộp (triệu VND)
1	Máng Phân bón	2.293.500	73.050	2.637.525	84.008
2	Máng Hóa chất	562.000	94.000	702.500	117.500
3	Các hoạt động khác	144.500	7.960	159.975	8.812
	Tổng cộng	3.000.000	175.010	3.500.000	210.320

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty đưa trong năm 2014, 2015 có bước đột phá mạnh so với những năm trước, kế hoạch đó đều dựa trên cơ sở thực tế hoạt động kinh doanh, cũng như chiến lược phát triển do Ban lãnh đạo Công ty đề ra như sau:

- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của nhà máy NPK với công suất 55.000 tấn/năm (doanh thu dự kiến từ hoạt động sản xuất phân NPK và Lân vào khoảng 400 – 500 tỷ đồng/năm);
- Tiếp tục mở rộng nhà máy NPK, xây dựng dây chuyền sản xuất lân với diện tích 3.500m² tại Thủy Nguyên – Hải Phòng;
- Bước sang năm 2014, Công ty bắt đầu ghi nhận nguồn doanh thu quan trọng từ kinh doanh NPK thành phẩm do Công ty sản xuất và hướng tới tối ưu hóa công suất hoạt động của nhà máy trong năm 2015.
- Duy trì nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định, nâng cao khả năng cạnh tranh về giá cũng như giảm thiểu rủi ro khi có biến động trên thị trường; hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong nước cũng như quốc tế của Công ty. Một mặt, nhằm giữ vững uy tín, duy trì thị phần lớn về phân phối Phân đạm và Hóa chất của Công ty. Mặt khác, nhằm đón đầu và nhanh chóng tiếp cận cơ hội từ triển vọng phát triển ngành; đặc biệt là ngành Hóa chất với thị phần phân phối rất lớn của Công ty và kế hoạch của Chính Phủ về "Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030", Quảng Bình dự kiến có thể sẽ tăng ít nhất gấp 2 lần Doanh thu và Lợi nhuận về mảng nhập khẩu và phân phối Hóa chất (Luu huỳnh, Axít) trong 2 năm tới. Bởi đây là nguồn nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất Phân bón DAP, Phân Lân, ... với kế hoạch ngành rất rõ ràng trong tương lai gần, cụ thể:
 - Đến 2015, DAP Lào Cai bắt đầu đi vào hoạt động, và theo kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ hết năm 2015 sẽ có thêm 1 nhà máy DAP nữa hoặc sẽ nâng gấp đôi công suất của DAP Đình Vũ (DAP 1).
 - Sản xuất Lân nung chảy hiện tại vào khoảng 600.000 tấn/năm bao gồm nhà máy Văn Điển và nhà máy Ninh Bình. Dự kiến tương lai gần sẽ có thêm khoảng 500.000 tấn/năm của 3 nhà máy mới (Lào Cai, Thanh Hóa,...)
- Mở rộng quy mô, kết hợp với các lĩnh vực và hoạt động bổ trợ liên quan nhằm tạo nên giá trị gia tăng trong chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời nâng cao tỷ suất lợi nhuận

của Công ty. Dự kiến trong giai đoạn từ nửa cuối năm 2014 đến hết năm 2015, Công ty sẽ mở 5 cửa hàng miễn thuế tại: Chalo (Quảng Bình), Tả Lũng (Cao Bằng), Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn và 1 kho ngoại quan tại Lào Cai.

Với nhiều hợp đồng giá trị lớn đang và sắp thực hiện, cơ hội lớn từ triển vọng phát triển của ngành, cùng định hướng và quyết tâm của Ban lãnh đạo, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào khả năng đạt được kế hoạch 2014 – 2015 đã đề ra.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2014, 2015 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/Cổ phần
- Tổng số cổ phần niêm yết:** 32.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết**

Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:

Theo điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ, khoản 1 điểm đ quy định: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời hạn 06 tháng tiếp theo.

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết trên là **7.450.500 cổ phiếu**, chiếm **23,28%** vốn điều lệ đã đăng ký

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (Cổ phiếu)
A. Các đại diện ủy quyền: Không có			
B. Các thành viên chủ chốt			
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	3.200.000
2	Nguyễn Văn Khoái	Thành viên HĐQT	1.000.000
3	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT/Giám đốc Kinh doanh	15.000
4	Bùi Thị Ngọc	Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng	13.000
5	Phạm Sĩ Thạc	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Xuất nhập khẩu	13.000
7	Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	3.000
8	Vũ Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát/Người Công bố thông tin	1.500
9	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban kiểm soát	5.000
C. Cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc			
1	Nguyễn Thanh Bình	Cổ đông lớn là người có liên quan của Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	3.200.000
Tổng cộng			7.450.500

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ghi chú: Các cổ phiếu của cổ đông sáng lập chuyển nhượng có điều kiện trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty thành lập (ngày 12/03/2007) theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của tổ chức niêm yết: Không có

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người nước ngoài. Sau khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu đó để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 25/06/2014, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

6. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình được tính dựa trên phương pháp P/E và P/B.

Số liệu P/E và P/B bình quân được xác định căn cứ vào số liệu P/E và P/B tại thời điểm 30/06/2014 của một số công ty sản xuất và kinh doanh phân bón, nông sản, thương mại và xuất nhập khẩu hàng hóa đã niêm yết trên HSX và HNX theo nguồn trên thị trường chứng khoán, sau khi đã loại trừ các Doanh nghiệp có số liệu lớn bất thường và không đầy đủ thông tin P/E và P/B.

ST T	Công ty	Mã chứng khoán	Sở GDCK Niêm yết	P/E 2 Quý gần nhất đến ngày 30/06/2014	P/B 2 Quý gần nhất đến ngày 30/06/2014	Trọng số*
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	DPM	HOSE	18,27	1,36	50,00%
2	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	LAS	HNX	12,85	1,80	12,00%
3	Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I	HAI	HOSE	22,20	1,14	10,00%
4	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	AGM	HOSE	31,79	0,60	3,00%
5	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	VFG	HOSE	10,13	0,89	10,00%
6	Công ty Cổ phần Vật	TSC	HOSE	88,47	1,60	3,00%

	tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ					
7	Công ty Cổ Phần Phân lân Ninh Bình	NFC	HOSE	21,57	2,02	10,00%
8	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	LAF	HOSE	78,38	1,36	3,00%
Trung bình trọng số				22,02	1,29	

Nguồn: MBS tính toán dựa trên BCTC 6 tháng của các doanh nghiệp được chọn

(*)Trọng số được xác định dựa trên giá trị vốn hóa thị trường của các doanh nghiệp được chọn.

6.1 Tính giá theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = EPS * P/E_{bqñ}$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E_{bqñ}: được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong ngành sản xuất và kinh doanh phân bón, thương mại, xuất nhập khẩu đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Cụ thể triển khai xác định giá cổ phiếu như sau:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2014	40.126.096.552	đồng
Chỉ số P/E bình quân ngành	22,02	
Hiện giá giá trị thị trường vốn cổ phần	883.720.661.864	đồng
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	Cp
Giá 01 cổ phiếu ước tính theo Phương pháp P/E	27.616	đồng

6.2 Tính giá theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P = BV * P/B_{bqñ}$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

P/B_{bqñ}: được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong ngành sản xuất và kinh doanh phân bón, thương mại, xuất nhập khẩu đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Cụ thể triển khai xác định giá cổ phiếu như sau:

Giá trị sổ sách vốn chủ sở hữu tại 30/06/2014	393.605.252.912	đồng
Chỉ số P/B trung bình trong ngành	1,29	
Hiện giá giá trị thị trường vốn cổ đông	508.834.013.909	đồng

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành 32.000.000 Cp
Giá 01 cổ phiếu ước tính theo Phương pháp P/B 15.901 đồng

Trên cơ sở thận trọng, giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình được xác định một cách thận trọng bằng cách chiết khấu 20% kết quả định giá theo các phương pháp trên (phương pháp P/E với trọng số là 40% và phương pháp P/B với trọng số là 60%), cụ thể như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá cổ phiếu} &= [(\text{Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E}) * 40\% + (\text{Giá cổ phiếu theo} \\ &\quad \text{phương pháp P/B}) * 60\%] * 80\% \\ &= (27.616 * 40\% + 15.901 * 60\%) * 80\% = \mathbf{16.470 \text{ đồng}} \end{aligned}$$

Như vậy, căn cứ theo kết quả tính như trên, Công ty quyết định mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình là **16.000 đồng/ cổ phiếu**.

7. Các loại thuế liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 11221000040 do Ban quản lý Khu kinh tế - UBND tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2013, dự án kho ngoại quan tại Cao Bằng của Công ty được hưởng một số ưu đãi về thuế như sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động;
- Được miễn thuế 02 năm và giảm 50% thuế cho 04 năm tiếp theo;
- Được miễn thuế nhập khẩu hàng hóa để tạo tài sản cố định của dự án.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo



nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

Địa chỉ: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (84)31.626.3333 Fax: (84)313.533.679

Website : www.quangbinhjsc.com.vn

Tổ chức tư vấn niêm yết

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn



Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012, 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 1990 Fax: (84-4) 3825 3973

Website : www.aasc.com.vn



Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014

Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Đất Việt

Địa chỉ: Số 02 Huỳnh Khương Ninh, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 39105401 Fax: (08) 39105402

Website : www.vietlandaudit.com.vn



VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất
- 2. Phụ lục 2:** Các nghị quyết và biên bản ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết
- 3. Phụ lục 3:** Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu dành cho công ty niêm yết
- 4. Phụ lục 4:** Quy chế quản trị nội bộ Công ty
- 5. Phụ lục 5:** Quy trình công bố thông tin nội bộ
- 6. Phụ lục 6:** Công văn của UBCK chấp thuận trở thành Công ty đại chúng
- 7. Phụ lục 7:** Công văn chấp thuận của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- 8. Phụ lục 8:** BCTC kiểm toán năm 2012, năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014 và BCTC quý III năm 2014



Bản Cáo bạch Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN MB

Tổng Giám đốc



Trần Hải Hà

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ngọc

Trưởng Ban Kiểm soát

Đặng Thị Phương Thảo